

BÁO CÁO**Tổng kết thực tiễn thi hành Bộ luật hình sự**

Ngày 27/11/2015, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội Khóa XIII đã thông qua Bộ luật hình sự (BLHS) năm 2015; ngày 20/6/2017, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội Khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015; ngày 25/6/2025 Quốc hội Khóa XV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (sau đây gọi chung là BLHS năm 2015). Việc ban hành BLHS năm 2015 và các văn bản luật sửa đổi, bổ sung đã góp phần khắc phục những hạn chế, bất cập của BLHS năm 1999, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đang đặt ra và bảo đảm hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm trong bối cảnh xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN), hội nhập quốc tế. BLHS năm 2015 đã thể chế hoá chính sách nhân đạo, đường lối, chủ trương cải cách tư pháp của Đảng trong tình hình mới; cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013, tạo ra cơ chế hữu hiệu để bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước và tổ chức, góp phần bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; kế thừa, phát triển các quy định còn phù hợp của BLHS năm 1999; bổ sung những quy định mới để giải quyết những vướng mắc, bất cập đang đặt ra trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; hoàn thiện kỹ thuật lập pháp hình sự nhằm bảo đảm tính thống nhất nội tại của BLHS và tính thống nhất của hệ thống pháp luật; nâng cao tính minh bạch, khả thi và tính dự báo của BLHS.

Thực hiện phân công của Chính phủ, Bộ Công an đã chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Công an các đơn vị, địa phương (sau đây gọi chung là các bộ, ngành, địa phương) tiến hành tổng kết thi hành BLHS năm 2015 nhằm đánh giá tổng thể, toàn diện việc tổ chức thi hành đạo luật này trên thực tiễn, phục vụ công tác xây dựng dự án BLHS (sửa đổi). Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá, rà soát kết quả tổng kết thực tiễn thi hành BLHS năm 2015 của các bộ, ngành, địa phương, Bộ Công an xây dựng Báo cáo tổng kết thực tiễn thi hành BLHS năm 2015, đồng thời đề xuất những phương hướng, nhiệm vụ trong xây dựng dự án BLHS (sửa đổi) cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC THI HÀNH BLHS

I. TÌNH HÌNH THẾ GIỚI

Những năm qua, tình hình thế giới và khu vực có những diễn biến phức tạp, khó lường, tác động, ảnh hưởng sâu sắc đến cấu trúc an ninh và xu hướng hợp tác, phát triển. Cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc từng bước leo thang với tính chất ngày càng gay gắt thông qua các hình thức “chiến tranh ủy nhiệm”, “chiến tranh thương mại”, bao vây cấm vận... làm gia tăng nguy cơ đối đầu trực diện về quân sự giữa các cường quốc. Các thiết chế về hợp tác quốc tế trở thành công cụ để các nước lớn thực hiện chiến lược bao vây, kìm toả, lôi kéo các nước vào nhóm liên minh, liên kết đối trọng nhau. Các xu hướng chính trị “cực hữu”, “ly khai” có xu hướng trở dậy tại nhiều nước, làm sâu sắc thêm các mâu thuẫn trong quan hệ chính trị quốc tế. Việc các cường quốc tự ý sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế, bất chấp luật lệ trở thành những “ngoại lệ nguy hiểm” đối với hòa bình thế giới. Khu vực Biển Đông tiếp tục là điểm nóng diễn ra cạnh tranh lợi ích chiến lược của các nước, ảnh hưởng không nhỏ đến quyền và lợi ích của Việt Nam. Các vấn đề liên quan đến an ninh phi truyền thống (biên giới, khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh công nghệ cao...) diễn biến phức tạp, với quy mô toàn cầu, gây hậu quả nặng nề cho hầu hết các nước, đặc biệt là các nước kém phát triển, nước có nguồn lực kinh tế, xã hội còn hạn chế.

Bên cạnh đó, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã thúc đẩy sự phát triển và ứng dụng của nhiều loại công nghệ vào các lĩnh vực của đời sống. Ngoài những tác động tích cực, tạo thuận lợi cho sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, tạo điều kiện cho việc hiện đại hóa lực lượng sản xuất, thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững thì sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ cũng đặt ra không ít thách thức liên quan đến ứng dụng, đổi mới sáng tạo phục vụ yêu cầu phát triển và yêu cầu quản lý xã hội; đồng thời, tạo những điều kiện và môi trường lý tưởng cho các loại tội phạm nhờ vào tính liên kết rộng rãi trên phạm vi toàn cầu, tính lan tỏa nhanh chóng trên môi trường mạng, tính ẩn danh, khó phát hiện và tính gây hậu quả to lớn, khó lường.

II. TÌNH HÌNH TRONG NƯỚC

Nhìn chung, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước thời gian qua vừa tạo điều kiện thuận lợi, vừa đặt ra những yêu cầu mới đối với công tác triển khai, thi hành Bộ luật Hình sự. Cụ thể là:

1. Về kinh tế

Thời gian qua, Việt Nam đã có những bước tăng trưởng đáng ghi nhận về kinh tế, trở thành điểm sáng về tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên thế giới, thành tựu đó đã và đang tạo những nền tảng vật chất quan trọng cho việc đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện thể chế và cơ sở hạ tầng phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm. Bên cạnh đó, quy mô nền kinh tế được mở rộng, môi trường đầu tư, kinh doanh từng bước được cải thiện; các hoạt động sản xuất, thương mại, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, thương mại điện tử, kinh tế số phát triển mạnh mẽ,... đặt ra yêu cầu cần phải tiếp tục hoàn thiện chính sách hình sự theo hướng bảo

vệ quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh hợp pháp, bảo đảm trật tự quản lý kinh tế, tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh an toàn, lành mạnh, minh bạch.

Tuy nhiên, sự phát triển nhanh của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số cũng làm phát sinh nhiều dạng hành vi vi phạm, tội phạm mới, có tính chất phức tạp, tinh vi hơn. Nổi lên là tội phạm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, thuế, đất đai, đấu thầu, thương mại điện tử; tội phạm sử dụng công nghệ cao, tiền ảo, tài sản số; các hành vi gian lận thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, xâm phạm quyền lợi người tiêu dùng. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu Bộ luật Hình sự phải tiếp tục được rà soát, hoàn thiện để xử lý hiệu quả các hành vi nguy hiểm cho xã hội, đồng thời bảo đảm nguyên tắc không hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự, hành chính.

2. Về chính trị

Tình hình chính trị trong nước tiếp tục ổn định; vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước được tăng cường; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tiếp tục được đẩy mạnh. Đây là nền tảng quan trọng để tổ chức triển khai, thi hành Bộ luật Hình sự thống nhất, nghiêm minh, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ chế độ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Tuy nhiên, thời gian qua, các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị vẫn tiếp tục lợi dụng các vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo để tuyên truyền xuyên tạc, chống phá Đảng, Nhà nước, kích động gây mất ổn định an ninh, trật tự, đặt ra yêu cầu pháp luật phải đủ nghiêm minh để răn đe và trừng trị các đối tượng chủ mưu, cầm đầu, có tư tưởng chống đối cực đoan, đồng thời vẫn đảm bảo tính giáo dục, khoan hồng với những thành phần đồng phạm, bị xúi dục, lôi kéo.

3. Về xã hội

Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân tiếp tục được cải thiện; nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân, doanh nghiệp và xã hội từng bước được nâng lên. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, phòng ngừa tội phạm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân ngày càng được quan tâm. Việc thi hành Bộ luật Hình sự đã góp phần quan trọng vào việc giữ gìn kỷ cương, trật tự xã hội, bảo vệ công lý, bảo vệ người yếu thế, bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của cá nhân, tổ chức.

Tuy nhiên, mặt trái của quá trình đô thị hóa, di cư lao động, phân hóa giàu nghèo, tác động của mạng xã hội, sự thay đổi trong lối sống, quan hệ xã hội và phương thức giao tiếp đã làm phát sinh nhiều vấn đề phức tạp về an ninh, trật tự. Một số loại tội phạm vẫn diễn biến phức tạp như tội phạm ma túy, tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tội phạm xâm hại trẻ em, tội phạm trên không gian mạng, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đánh bạc trực tuyến, mua bán người, tội phạm trong thanh thiếu niên. Điều này đòi hỏi Bộ luật Hình sự phải tiếp tục được hoàn thiện theo hướng vừa nghiêm trị, răn đe, phòng ngừa tội phạm, vừa tăng cường tính nhân đạo, giáo dục, phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng, phù hợp với yêu cầu phát triển xã hội trong giai đoạn mới.

Phần thứ hai

TÌNH HÌNH TỘI PHẠM VÀ NGUYÊN NHÂN

I. TÌNH HÌNH TỘI PHẠM

Trong những năm qua, mặc dù BLHS đã phát huy tác dụng tích cực trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần quan trọng giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Tuy nhiên, theo báo cáo của các cơ quan chức năng thì tình hình tội phạm nhìn chung vẫn diễn biến hết sức phức tạp với những phương thức, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt. Số lượng tội phạm luôn có xu hướng gia tăng, nghiêm trọng hơn cả về quy mô và tính chất. Cụ thể như sau:

1. Về loại tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia: Thực tiễn áp dụng pháp luật điều tra, giải quyết các vụ án thời gian qua cho thấy tình hình tội phạm xâm phạm ANQG ngày càng diễn biến phức tạp, đặc biệt là tội phạm liên quan đến các đối tượng phản động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo với tính chất ngày càng mạnh động, nguy hiểm có tính tổ chức, cơ cấu chặt chẽ hơn. Gia tăng các hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc chống Đảng, Nhà nước nhằm phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và thành quả cách mạng, kêu gọi đa nguyên, đa đảng; lôi kéo người dân tham gia các hoạt động nhằm thực hiện âm mưu chống phá lâu dài; tiến hành hoạt động khủng bố, phá hoại, phá rối an ninh, nhất là các địa bàn Tây Nguyên, Tây Nam Bộ gây hậu quả xấu về an ninh trật tự. Thời gian qua tiếp tục nổi lên hoạt động của các tổ chức phản động lưu vong như “Chính phủ Quốc gia Việt Nam lâm thời”, “Triều Đại Việt”, “Việt Tân”...gia tăng hoạt động móc nối, lôi kéo, phát triển lực lượng trong nước, chúng triệt để sử dụng các trang mạng xã hội để thành lập “Hội nhóm kín” trên không gian mạng, lợi dụng tình hình phức tạp, nhạy cảm trong nước để đăng tải, phát tán thông tin xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước hoặc công kích, hạ uy tín cá nhân, tổ chức. Nhóm tội phạm liên quan đến ANQG như: tội phạm liên quan xuất nhập cảnh trái phép; liên quan vũ khí, vật liệu nổ... tiếp tục diễn biến phức tạp, nhất là các hoạt động tổ chức cho người nước ngoài nhập cảnh, ở lại Việt Nam trái phép ở một số địa phương có dấu hiệu gia tăng trong thời gian tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát. Việt Nam trở thành địa bàn trung chuyển người bất hợp pháp để xuất cảnh trái phép đi nước thứ ba (Lào, Campuchia...). Với tính chất là tội phạm nguồn của nhóm tội phạm về hình sự, trật tự xã hội, tội phạm về vũ khí, vật liệu nổ tiếp tục chiếm tỷ lệ lớn trong tổng số các vụ án liên quan đến ANQG được điều tra, khám phá và tiếp tục diễn biến phức tạp.

Theo thống kê, từ ngày 01/01/2018 đến tháng 01/11/2025, cả nước phát hiện, xử lý gần 200 vụ phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia với gần 500 đối tượng, chiếm tỉ lệ gần 5% tổng số vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan An ninh điều tra.

2. Về loại tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm: Nhóm tội phạm này diễn biến ngày càng phức tạp về số lượng, phương thức, thủ đoạn cũng như tính chất dã man, tàn bạo của hành vi phạm tội. Nổi bật là các tội giết người, cố ý gây thương tích và hiếp dâm. Tình trạng giết người thân diễn ra phức tạp, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ những mâu thuẫn trong sinh hoạt hằng ngày giữa những người thân trong gia đình, mâu thuẫn trong tranh chấp tài sản.

Tình trạng giết người do các nguyên nhân xã hội khác như: mâu thuẫn cá nhân, mâu thuẫn bột phát, nhất là sau khi uống rượu bột phát hành vi tội phạm; tái diễn hành vi dùng xyanua, dùng xăng đốt giết người. Tội phạm cố ý gây thương tích có nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ những mâu thuẫn bột phát, mâu thuẫn cá nhân; đối tượng thực hiện hành vi ở nhóm độ tuổi thanh thiếu niên từ 16 đến 29 tuổi có xu hướng gia tăng. Tội phạm hiếp dâm tiếp tục gia tăng, nhất là tình trạng hiếp dâm trẻ em có diễn biến ngày càng phức tạp, đối tượng được phát hiện nhiều khi là người thân của nạn nhân. Tội phạm mua bán người tiếp tục gây ra những thách thức về an ninh, trật tự, để lại nhiều hệ lụy về kinh tế, xã hội và an ninh con người.

3. Về loại tội phạm xâm phạm sở hữu: Nổi lên tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản là loại tội phạm chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu tội phạm hình sự, có diễn biến phức tạp nhất hiện nay, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, với nhiều chiêu thức mới, lợi dụng triệt để khoa học công nghệ để thực hiện hành vi phạm tội. Tội phạm cưỡng đoạt tài sản nổi lên tình trạng các đối tượng dùng thủ đoạn đe dọa thông tin (bài viết, hình ảnh, clip nhạy cảm về đời tư của người bị hại...) lên các mạng xã hội, mạng internet để cưỡng đoạt tài sản hoặc dùng những hình ảnh quay, chụp được khi yêu nhau để đe dọa tống tiền. Tội phạm cướp tài sản qua công tác điều tra, xử lý đã kịp thời nhận diện một số thủ đoạn phạm tội mới (thông qua mạng xã hội lừa bán xe, cửa hàng, đổi tiền mới để tìm, hẹn gặp nạn nhân sau đó cướp tài sản; lên mạng giả vờ tìm “sugar daddy” sau đó liên hệ đến khách sạn để quan hệ rồi đồng bọn ập vào khống chế cướp, cướp tài sản...), đối tượng thực hiện hành vi phạm tội có tính chất manh động, liều lĩnh. Tội phạm trộm cắp tài sản có xu hướng tăng với tình trạng người nước ngoài thực hiện hành vi phạm tội diễn ra ngày càng nhiều, diễn biến phức tạp. Tội phạm cướp giật tài sản có xu hướng giảm nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ, diễn biến phức tạp, phạm vi hoạt động rộng, tính chất, mức độ manh động cao.

4. Về loại tội phạm xâm phạm về kinh tế, chức vụ, tham nhũng: Tội phạm về kinh tế, tham nhũng có xu hướng dịch chuyển từ phạm vi hẹp sang phạm vi rộng, từ hành vi đơn lẻ sang hành vi có tổ chức, liên ngành, gắn chặt giữa quản lý nhà nước và hoạt động của doanh nghiệp. Hầu hết các vụ án được khởi tố, điều tra trong thời gian qua đều liên quan đến các lĩnh vực trọng yếu như đấu thầu, đầu tư công, chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, ngân hàng, đất đai, y tế, giáo dục, năng lượng, khoáng sản, môi trường.

Tội phạm về buôn lậu diễn biến phức tạp tại các tuyến biên giới, cảng biển, sân bay, nhất là các vụ nhập lậu xăng dầu, đường, gỗ, than, linh kiện điện tử, hàng tiêu dùng cao cấp...

Trong giai đoạn từ năm 2018 đến tháng 11 năm 2025, lực lượng chức năng đã phát hiện, xử lý hàng nghìn vụ việc, vụ án trong lĩnh vực tham nhũng, kinh tế, buôn lậu. Riêng trong thời gian từ năm 2021 đến năm 2023, đã phát hiện, điều tra 1.200 vụ án, trong đó có hơn 350 vụ án tham nhũng, chức vụ; 620 vụ án kinh tế; 180 vụ án về buôn lậu, rửa tiền và vi phạm quy định về chứng khoán, tổng giá trị thiệt hại ước tính lên đến hàng chục nghìn tỷ đồng. Chỉ trong năm 2023, với sự quyết liệt, trong chỉ đạo và thực hiện, cơ quan chức năng đã thu hồi được 78.000 tỷ đồng tài sản bị thiệt hại

5. Về loại tội phạm môi trường: Tình trạng thu gom, xử lý chất thải không đúng quy định; vi phạm về xả nước thải, khí thải vượt quy chuẩn ra môi trường; đổ chất thải trái phép; khai thác, vận chuyển, kinh doanh khoáng sản (đất, cát, sỏi, vàng, than) trái phép, không có nguồn gốc hợp pháp diễn ra phức tạp ở nhiều địa phương; vi phạm pháp luật về quản lý, khai thác tài nguyên và đa dạng sinh học đang ở mức báo động; vi phạm trong việc nuôi nhốt, buôn bán các sản phẩm từ sinh vật nguy cấp, quý hiếm diễn ra với các phương thức, thủ đoạn tinh vi; vi phạm về y tế, an toàn thực phẩm chủ yếu đến từ hành vi kinh doanh, lưu giữ, tiêu thụ các mặt hàng thực phẩm là sản phẩm động vật đông lạnh không rõ nguồn gốc, không đảm bảo an toàn thực phẩm, sử dụng các loại phụ gia, hóa chất không bảo đảm chất lượng hoặc không đúng quy trình...

Theo thống kê, từ ngày 01/01/2018 đến tháng 6/2025, Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường đã phát hiện, điều tra và khởi tố 28 vụ án hình sự, tập trung vào các tội được quy định tại Điều 235 (Tội gây ô nhiễm môi trường), Điều 227 (Tội vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên); Điều 232 (Tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản); Điều 193 (Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm); Điều 195 (Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, giống vật nuôi); Điều 244 (Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm).

6. Về loại tội phạm ma túy: Thời gian qua, tội phạm về ma túy có diễn biến phức tạp, thủ đoạn che giấu tội phạm ngày càng tinh vi. Các đối tượng chủ mưu cầm đầu hầu hết không trực tiếp tham gia vào việc thực hiện hành vi phạm tội mà chỉ đạo điều hành qua điện thoại, mạng xã hội, chủ động xóa dấu vết, tạo tình huống ngoại phạm ngay từ giai đoạn mua bán, tuyệt đối bí mật với cả đồng bọn trong khâu vận chuyển. Đối với đường dây tội phạm ma túy có tổ chức, xuyên quốc gia đối tượng chủ mưu cầm đầu là người nước ngoài thường ở ngoài lãnh thổ Việt Nam để thực hiện chỉ đạo, điều hành qua nhiều khâu trung gian khép kín. Tội phạm ma túy diễn ra phổ biến dưới dạng thủ đoạn truyền thống và thủ đoạn truyền thống kết hợp công nghệ cao, trên không gian mạng; phương thức vận chuyển đa dạng và tinh vi hơn, có sự kết hợp giữa đường bộ, đường thủy, đường không (thời gian qua, xuất hiện một số thủ đoạn mới như: đóng ma túy vào các thùng xốp, túi nilon bên trong có gắn chip định vị, sau đó thả trôi trên biển (phát hiện tại Vũng Tàu, Hà Tĩnh); sử dụng flycam để vận chuyển ma túy (Bắc Ninh), thông qua nhân viên hàng không để xách ma túy từ nước ngoài về trong nước...).

Tình hình sản xuất trái phép chất ma túy đã và đang có dấu hiệu phức tạp ở Việt Nam, từ chỗ là địa bàn trung chuyển, hiện nay, cơ quan chức năng đã phát hiện các vụ sản xuất trái phép chất ma túy với khối lượng lớn trên lãnh thổ Việt Nam, điển hình là tháng 3/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Bộ Công an đã triệt phá đường dây sản xuất trái phép chất ma túy, thu giữ 1,4 tấn ma túy tổng hợp và 80 tấn hóa chất, tiền chất, máy móc, thiết bị.

Tình trạng sử dụng trái phép chất ma túy ngày càng đáng báo động, tỉ lệ người trẻ sử dụng ngày càng cao gây những hệ lụy khôn lường về nguồn lao động, chất lượng giống nòi và đạo đức xã hội, theo thống kê, cả nước hiện nay có

khoảng hơn 292.000 người nghiện, sử dụng trái phép chất ma túy và thuộc diện quản lý sau cai.

7. Về loại tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng:

- Tội phạm gây rối trật tự công cộng nổi lên 02 nhóm hành vi phổ biến: (1) Các đối tượng tụ tập thành các nhóm mang theo hung khí, vũ khí nguy hiểm để giải quyết các mâu thuẫn bộc phát, mâu thuẫn cá nhân; (2) Các đối tượng tập trung thành các nhóm mang theo hung khí, sử dụng xe mô tô di chuyển trên các tuyến đường với tốc độ cao, lạng lách, đánh võng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội.

- Tội phạm tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, tội đánh bạc chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu tội phạm xâm phạm trật tự xã hội, tiềm ẩn diễn biến phức tạp. Tổ chức đánh bạc, đánh bạc trên không gian mạng ngày càng diễn ra phổ biến, các đối tượng lợi dụng triệt để sự phát triển của khoa học công nghệ vào quá trình thực hiện tội phạm, gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý tội phạm.

- Tội phạm liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”: Trước sự triển khai các biện pháp quyết liệt, trấn áp của lực lượng Công an nhân dân các băng nhóm, đối tượng hoạt động “tín dụng đen truyền thống” hoạt động co cụm, cầm chừng, cơ hội. chủ yếu hoạt động đơn lẻ với phạm vi hẹp (tập trung phạm vi địa bàn cấp xã, khu công nghiệp, chợ đầu mối ...). Tiếp tục phát hiện bắt giữ các băng nhóm hoạt động tín dụng đen có tính chất xuyên quốc gia, đối tượng cầm đầu là người nước ngoài (Trung Quốc, Đài loan, Ukraina...) câu kết với các đối tượng người Việt Nam thành lập các doanh nghiệp, sử dụng các ứng dụng cho vay qua tài khoản iCloud, website cho vay trực tuyến.

- Tội phạm mại dâm nổi lên tình trạng người bán dâm liên kết thành từng nhóm, hình thành đường dây liên tỉnh nhằm cung cấp gái bán dâm cho khách đến các địa điểm bán dâm theo yêu cầu đang trở nên phổ biến.

- Tội phạm liên quan đến vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ: Tình trạng mua bán trái phép vũ khí, vật liệu nổ qua mạng tiếp tục diễn biến phức tạp, thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, với nhiều phương thức phạm tội khác nhau.

- Trong lĩnh vực y tế phát hiện thủ đoạn phạm tội mới như các đối tượng sử dụng công nghệ mạng xã hội để kinh doanh các sản phẩm thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, sử dụng hình ảnh của các cơ sở y tế, bác sĩ, diễn viên, ca sĩ... để quảng cáo, giới thiệu sản phẩm không đúng bản chất thực tế của sản phẩm, gây hiểu nhầm hoặc đánh lừa người tiêu dùng.

- Tội phạm về lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông tiếp tục diễn biến phức tạp, nổi lên hoạt động tạo lập các trang giả mạo cơ quan Công an tiếp nhận thông tin tội phạm để thực hiện hành vi lừa đảo; giả danh cơ quan chức năng gọi điện, yêu cầu người dân thực hiện các dịch vụ công trực tuyến; kêu gọi tham gia các hội nhóm đầu tư trên các sàn giao dịch ngoại hối (Forex); hoạt động mua bán, trao đổi thông tin cá nhân để đăng ký, tạo lập tài khoản ngân hàng, thẻ thanh toán, ví điện tử nhằm thực hiện hành vi vi phạm pháp luật chưa được ngăn chặn hiệu quả; tái diễn thủ đoạn dụ dỗ, lôi kéo học sinh sử dụng căn cước công dân mở tài khoản ngân hàng, sau đó bán lại cho các đối tượng để hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài

sản. Đáng chú ý, xuất hiện một số đối tượng tấn công mạng, gián điệp mạng chủ yếu nhằm vào hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước, các tập đoàn kinh tế lớn, trọng yếu, hệ thống ngân hàng nhằm thu thập, đánh cắp thông tin nội bộ, bí mật nhà nước, tấn công từ chối dịch vụ, phá huỷ dữ liệu, đánh sập hệ thống; chiếm quyền điều khiển, thay đổi giao diện, tuyên truyền thông tin xấu độc trên trang thông tin điện tử, lây nhiễm virus, mã độc, mã hoá dữ liệu, đánh cắp, rao bán thông tin, tài liệu. Theo thống kê, trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025, cả nước phát hiện, xử lý 4.334 vụ án trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông, nhiều hơn 643,4% so với giai đoạn 2016-2020. Đây cũng là loại tội phạm có mức độ gia tăng nhanh nhất trong tất cả các tội phạm ở Việt Nam.

8. Về loại tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính: Nổi bật với tội chống người thi hành công vụ có xu hướng tăng, nổi lên là hành vi chống lại lực lượng Công an thi hành công vụ, đáng chú ý có vụ dẫn đến chết người (Khánh Hoà, Bà Rịa – Vũng tàu...). Lĩnh vực quản lý con dấu nổi lên là các hành vi làm giả con dấu, giấy tờ tài liệu của các cơ quan quản lý nhà nước có chức năng xác nhận các loại văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận; phương thức, thủ đoạn thực hiện tội phạm vi phạm pháp luật thường in mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức vào phôi văn bằng chứng chỉ hoặc sử dụng những công cụ, máy móc để chạm, khắc trên các vật liệu khác nhau tạo ra con dấu giả... vi phạm phổ biến là sử dụng con dấu, tài liệu giả, làm giả con dấu của các cơ quan, tổ chức; các loại giấy tờ, tài liệu thường được làm giả như: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy phép lái xe...

II. NGUYÊN NHÂN

Thực trạng tội phạm và vi phạm pháp luật ngày càng gia tăng như hiện nay xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó phải kể đến một số nguyên nhân chủ yếu sau đây:

1. Nguyên nhân về kinh tế - xã hội

Trong thời kỳ hiện nay, nền kinh tế thị trường tuy mang lại sự phát triển kinh tế mạnh mẽ cho nước ta. Tuy nhiên, mặt trái của nó cũng gây không ít những tác động tiêu cực đến đạo đức, lối sống, tư tưởng, các chuẩn mực xã hội, giá trị đạo đức truyền thống; khoảng cách giàu nghèo tăng, số người thất nghiệp cao. Đặc biệt sự phát triển của khoa học công nghệ, internet kèm theo những mặt tiêu cực của nó đã tác động mạnh mẽ đến lối sống, hành xử của các cá nhân... nhiều quan hệ pháp luật, nhiều hành vi mới cần phải điều chỉnh nhưng quy định của pháp luật hình sự còn chưa theo kịp sự vận động, thay đổi của xã hội; chưa có nhiều quy định mang tính dự báo trước các quan hệ xã hội mới có thể phát sinh tội phạm cần phải điều chỉnh.

Bên cạnh đó sự thiếu sót trong quản lý văn hoá - xã hội của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, do không đánh giá hết tính chất phức tạp, nghiêm trọng của tình hình vi phạm pháp luật của người phạm tội nên việc đề ra các chủ trương, biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tình trạng vi phạm pháp luật chưa thực sự hiệu quả. Ý thức pháp luật và đấu tranh phòng, chống tội phạm của quần chúng nhân dân còn một bộ phận chưa cao. Không ít người dân còn có thái độ thờ ơ với những hành vi vi phạm pháp luật xảy ra trong xã hội. Khó khăn trong một số lĩnh vực của

đời sống xã hội làm gia tăng các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm và vi phạm pháp luật.

2. Nguyên nhân từ bất cập, hạn chế trong công tác quản lý nhà nước, quản lý xã hội

Công tác quản lý xã hội trên một số mặt còn hạn chế, sự xâm nhập của các luồng văn hoá ngoại lai, ảnh hưởng của phim ảnh, trò chơi điện tử, bạo lực trên mạng internet ngày càng phổ biến; tác động của quá trình hội nhập, mặt trái cơ chế thị trường và hậu quả của thiên tai, dịch bệnh đã làm nảy sinh nhiều vấn đề như: số người nghiện ma túy ngoài xã hội mặc dù giảm nhưng số lượng vẫn còn lớn, diễn biến nhiều phức tạp, công tác quản lý một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện còn lỏng lẻo; lợi nhuận từ tội phạm và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kinh tế là rất lớn; chế tài xử lý thực sự bảo đảm tính răn đe, cảnh báo, do đó các đối tượng dễ nảy sinh ý định phạm tội. Bên cạnh đó, nhiều mâu thuẫn, bức xúc, tranh chấp trong nội bộ nhân dân chưa được cấp cơ sở phát hiện, ngăn chặn và giải quyết kịp thời. Điều này đã làm phát sinh một số tội phạm do nguyên nhân xã hội, nhất là các vụ giết người, cố ý gây thương tích, chống người thi hành công vụ...

3. Nguyên nhân từ bất cập, hạn chế trong hệ thống chính sách, pháp luật và công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật

Hệ thống pháp luật, chính sách về kinh tế - xã hội vẫn đang tiếp tục hoàn thiện và tồn tại sơ hở, thiếu sót; chế tài xử lý vi phạm (bao gồm cả hành chính và hình sự) chưa đủ sức răn đe, còn xuất hiện nhiều bất cập. Phương thức thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi trong khi hệ thống pháp luật về đấu tranh phòng, chống tội phạm vẫn tồn tại những quy định còn nhiều sơ hở chưa phù hợp với thực tiễn nhất là trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng, ô nhiễm môi trường, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm có yếu tố nước ngoài. Một số quy định chưa có văn bản hướng dẫn thi hành.

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các chủ trương, biện pháp về bảo đảm an ninh trật tự, phòng ngừa vi phạm pháp luật, phòng chống tội phạm chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục, sâu rộng và mạnh mẽ, nội dung chưa thật phù hợp với từng loại đối tượng cần tuyên truyền, nhất là tuyên truyền phòng, chống ma túy, mua bán người ở vùng sâu, vùng xa.

4. Nguyên nhân từ bất cập, hạn chế trong công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật

Thứ nhất, công tác phòng ngừa tội phạm hiệu quả chưa cao, công tác phòng ngừa xã hội ở một số địa bàn cơ sở có nơi buông lỏng, chưa quan tâm đầy mạnh thực chất phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc¹.

¹ Báo cáo số 118/BC-BCĐ ngày 15/01/2024 của Ban Chỉ đạo 138/CP về tình hình, kết quả công tác phòng, chống tội phạm năm 2023

Thứ hai, công tác phối hợp của một số bộ, ngành ở Trung ương cũng như sở, ngành ở địa phương thiếu chặt chẽ, việc phối hợp trao đổi thông tin, tình hình tội phạm còn hạn chế.

Thứ ba, việc nhận thức và vận dụng các quy định của pháp luật xử lý hành chính, xử lý hình sự giữa các cơ quan có lúc chưa có sự thống nhất nên đã phần nào ảnh hưởng tới hiệu quả công tác đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

Thứ tư, tội phạm lợi dụng triệt để thành tựu khoa học công nghệ để thực hiện hành vi phạm tội với nhiều phương thức, thủ đoạn mới, mang tính “ẩn danh cao”, dễ trốn tránh các lực lượng chức năng.

Thứ năm, đạo đức của một bộ phận cán bộ, công chức Nhà nước bị xuống cấp, có lối sống thực dụng, thích hưởng thụ, chạy theo lợi ích vật chất, thích làm giàu nhanh chóng nên đã cấu kết với các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội.

5. Nguyên nhân từ phía gia đình và nhà trường

- Nhận thức của các gia đình về các giá trị văn hóa, gia đình, đạo đức thay đổi, phương pháp quản lý, giáo dục con cái trong một số gia đình chưa phù hợp. Điều này làm gia tăng tỷ lệ trẻ em lang thang, trẻ em tham gia thực hiện tội phạm,... Bên cạnh đó, một số gia đình có hoàn cảnh đặc biệt như: cha mẹ ly hôn, cha mẹ đang chấp hành hình phạt, trẻ mồ côi không nơi nương tựa... cũng là một nguyên nhân dẫn đến tình trạng gia tăng của tội phạm và các vi phạm pháp luật.

- Các chương trình giáo dục pháp luật trong trường học chưa được chú trọng và phần lớn mang tính hình thức, chưa có nhiều giải pháp quản lý, giáo dục và giúp đỡ các học sinh chưa ngoan. Bên cạnh đó, sự phối hợp trao đổi thông tin, liên lạc giữa gia đình và nhà trường thiếu chặt chẽ cũng là điều kiện để các đối tượng xấu lợi dụng lời kéo các em vào con đường vi phạm pháp luật.

Phần thứ ba

THỰC TIỄN THI HÀNH BLHS NĂM 2015

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác ban hành văn bản hướng dẫn thi hành BLHS

a) Các văn bản được ban hành để hướng dẫn thi hành BLHS số 100/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14

Sau khi Quốc hội khóa XIV ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành BLHS số 100/2015/QH13 và được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13, Nghị quyết số 08/2021/NQ-UBTVQH15 về giải thích khoản 1 Điều 289 của BLHS, các bộ, ngành đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của BLHS năm 2015; Nghị định số 37/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 quy định chi tiết thi hành

các biện pháp giám sát, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự.

Thực hiện quy định của Nghị quyết số 41/2017/QH14, Tòa án nhân dân tối cao đã xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành các điều, khoản, điểm của BLHS, tính đến nay, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã xây dựng và ban hành 17 Nghị quyết hướng dẫn quy định của BLHS năm 2015², 18 công văn giải đáp, hướng dẫn áp dụng thống nhất quy định của BLHS năm 2015³ đối với các cơ quan tiến hành tố tụng.

² 16 Nghị quyết bao gồm:

- Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS;
- Nghị quyết 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24/4/2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 66 và Điều 106 về tha tù trước thời hạn có điều kiện;
- Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng 65 BLHS về án treo;
- Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm của BLHS;
- Nghị quyết 02/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 150 về tội mua bán người và Điều 151 về tội mua bán người dưới 16 tuổi của BLHS;
- Nghị quyết 03/2019/NQ-HĐTP ngày 24/5/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 324 BLHS về tội rửa tiền;
- Nghị quyết 05/2019/NQ-HĐTP ngày 15/8/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 214 về tội gian lận bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, Điều 215 về tội gian lận bảo hiểm y tế và Điều 216 về tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động của BLHS;
- Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định tại các Điều 141, 142, 143, 144, 145, 146 và Điều 147 của BLHS và việc xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi;
- Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐTP ngày 25/10/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 299 và Điều 300 của BLHS;
- Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ.
- Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của BLHS về việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự;
- Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng 65 BLHS về án treo (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHS về án treo);
- Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐTP ngày 09/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn một số quy định tại Điều 304, Điều 305, Điều 306, Điều 307, Điều 308 của BLHS;
- Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐTP ngày 24/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về phòng cháy, chữa cháy;
- Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐTP ngày 12/6/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS về truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi liên quan đến khai thác, mua bán, vận chuyển trái phép thủy sản.
- Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

³ 18 Công văn hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao bao gồm:

- Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS;
- Công văn số 301/TANDTC-PC ngày 07/10/2016 của Tòa án nhân dân tối cao áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS;
- Công văn số 306/TANDTC-PC ngày 12/10/2016 của của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng tình tiết “bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản” khi giải quyết vụ án lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.
- Công văn số 01/GĐ-TANDTC ngày 25/7/2016 của của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp một số vấn đề về hình sự, dân sự, tố tụng dân sự.
- Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ.

Bên cạnh đó, Viện kiểm sát nhân dân tối cao cũng đã ban hành một số văn bản hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS để thống nhất về quan điểm của các cơ quan tiến hành tố tụng như: Hướng dẫn số 33/HD-VKSTC ngày 30/11/2018 về công tác quản lý, kiểm tra và báo cáo đánh giá việc đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, bị can do không phạm tội và đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự theo Điều 29 BLHS; Công văn số 5442/VKSTC-V14 ngày 30/11/2020 giải đáp một số khó khăn, vướng mắc liên quan đến quy định của BLHS, Bộ luật Tố tụng hình sự (TTHS) và thi hành án hình sự.

b) Các văn bản được ban hành để hướng dẫn thi hành Luật số 86/2025/QH15

Sau khi Luật số 86/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015 được Quốc hội thông qua, Bộ Công an đã tham mưu Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của BLHS năm 2015, trong đó, điều chỉnh các quy định về cách tính tổng khối lượng chất ma túy để phù hợp cấu trúc khung hình phạt mới được quy định tại Điều 248 (Tội sản xuất trái phép chất ma túy) và Điều 251 (Tội mua bán trái phép chất ma túy). Đồng thời, thực hiện quy định của Luật, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định về chuyển hình phạt từ hình thành hình phạt tù chung thân; Liên ngành Tư pháp Trung ương đã phối hợp để ban hành Thông tư liên tịch số 02/2025/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quy định một số thủ tục xem xét bản án tử hình trước khi thi hành.

-
- Công văn số 91/2017/TANDTC-PC ngày 28/4/2017 của của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn, xử lý hành vi tàng trữ, vận chuyển, buôn bán pháo nổ trong nội địa.
 - Công văn 256/TANDTC-PC ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thi hành khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội;
 - Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/1/2018 của Tòa án nhân dân tối cao việc việc áp dụng BLHS và nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội;
 - Công văn số 196/TANDTC-PC ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321 và điểm c khoản 2 Điều 322 của BLHS;
 - Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 thông báo kết quả giải đáp trực tiếp một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao;
 - Công văn số 212/TANDTC ngày 13/9/2019 thông báo kết quả giải đáp trực tiếp của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao giải đáp một số vướng mắc trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự, hành chính, dân sự và kinh doanh, thương mại;
 - Công văn số 233/TANDTC ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân tối cao trao đổi nghiệp vụ với Tòa án nhân dân các cấp.
 - Công văn số 45/TANDTC-PC ngày 30/3/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật và tổ chức xét xử đối với một số hành vi vi phạm pháp luật phổ biến có đủ yếu tố cấu thành tội phạm trong phòng, chống dịch bệnh.
 - Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của của Tòa án nhân dân tối cao thông báo một số kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử.
 - Công văn số 136/ TANDTC-PC ngày 25/8/2020 của của Tòa án nhân dân tối cao đính chính Công văn số 89 TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của của Tòa án nhân dân tối cao thông báo một số kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử.
 - Công văn số 02/2021/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp một số vướng mắc trong xét xử.
 - Công văn số 206/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của của Tòa án nhân dân tối cao thông báo một số kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử.
 - Công văn số 196 TANDTC-PC ngày 03/10/2023 của của Tòa án nhân dân tối cao thông báo một số kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử.

Hệ thống văn bản này góp phần đưa các quy định của BLHS năm 2015 vào cuộc sống, bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và áp dụng pháp luật trên thực tế. Từ đó, đảm bảo việc điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được thực hiện đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội cũng như bảo vệ tốt hơn các quyền và lợi ích của Nhà nước, tổ chức và cá nhân.

2. Công tác thi hành BLHS

a) Công tác khởi tố, điều tra, vụ án hình sự

Những năm qua, tình hình, diễn biến tội phạm ngày càng nghiêm trọng, tiềm ẩn nhiều nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Trước tình hình đó, các cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền đã nghiêm túc thực hiện các quy định trong hệ thống pháp luật hình sự nói chung cũng như các quy định của BLHS nói riêng trong công tác đấu tranh, điều tra, truy tố tội phạm tại các địa bàn, lĩnh vực trọng điểm. Các cơ quan tiến hành tố tụng đã tích cực, chủ động trong công tác, thực hiện tốt cơ chế phối hợp với các cơ quan hữu quan trong hoạt động điều tra, khám phá tội phạm, người phạm tội. Từ đó, công tác điều tra, truy tố tội phạm đã có những chuyển biến tích cực, bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; số án khởi tố điều tra và kết quả xử lý năm sau cao hơn năm trước; các trường hợp đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ điều tra chiếm tỷ lệ nhỏ trong các vụ án kết thúc điều tra; hạn chế được oan, sai; chủ động phòng ngừa tội phạm; góp phần kiềm chế sự gia tăng của tội phạm, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Thực hiện quy định của BLHS năm 2015, các cơ quan có thẩm quyền tố tụng đã điều tra, khởi tố hơn **688.697 vụ án**, cụ thể:

- Năm 2018, tình hình tội phạm diễn biến phức tạp; các cơ quan chức năng đã phát hiện, khởi tố 73.094 vụ án. Trong đó, tăng mạnh là tội phạm về tham nhũng, chức vụ (31,1%); tội phạm về ma túy tiếp tục tăng với tỷ lệ cao (13,9%); tội phạm xâm phạm trật tự xã hội *tăng* 2,6%, xảy ra các vụ án giết người dã man, giết nhiều người.

- Năm 2019, các cơ quan tố tụng đã đấu tranh, phát hiện, khởi tố 78.525 vụ án hình sự (*tăng 7,4% so với năm 2018*). Trong đó, tăng nhiều là tội phạm về ma túy (9,8%); tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, sở hữu và môi trường *tăng* 6,8%; tội phạm về trật tự xã hội *tăng* 6,3%; Tội phạm về tham nhũng, chức vụ khởi tố mới *tăng* 1,56%; nhóm tội phạm giảm nhiều là tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, *giảm* 25,7%; tội xâm phạm nghĩa vụ quân nhân *giảm* 25%; Tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp *giảm* 6,5%.

- Năm 2020, các cơ quan tố tụng đã đấu tranh, phát hiện, khởi tố 84.842 vụ án hình sự (*tăng 8% so với năm 2019*); trong đó: đã khởi tố 27 vụ/53 bị can phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia; 25.545 vụ án/59.199 bị can phạm tội xâm phạm trật tự xã hội; 34.609 vụ án/33.672 bị can phạm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, sở hữu và môi trường; 24.279 vụ/30.842 bị can phạm tội về ma túy; 316 vụ/683 bị can phạm tội về tham nhũng, chức vụ; 62 vụ/210 bị can phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp...

- Năm 2021, các cơ quan tố tụng đã đấu tranh, phát hiện, khởi tố 84.717 vụ án hình sự (*giảm 0,15% so với năm 2020*); trong đó: đã khởi tố 28 vụ/35 bị can phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia; 26.026 vụ/60.866 bị can phạm tội xâm phạm trật tự xã hội; 33.438 vụ/33.804 bị can phạm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, sở hữu và môi trường; 24.763 vụ/32.879 bị can phạm tội về ma túy; 390 vụ/1.011 bị can phạm tội về tham nhũng, chức vụ; 68 vụ/229 bị can phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp...

- Năm 2022, các cơ quan tố tụng đã đấu tranh, phát hiện, khởi tố 86.756 vụ án hình sự (*tăng 2,4% so với năm 2021*); trong đó: đã khởi tố 19 vụ/28 bị can phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia; 27.360 vụ/63.232 bị can phạm tội xâm phạm trật tự xã hội; 34.352 vụ/34.368 bị can phạm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, sở hữu và môi trường; 24.398 vụ/33.962 bị can phạm tội về ma túy; 544 vụ/1.344 bị can phạm tội về tham nhũng, chức vụ; 76 vụ/229 bị can phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp...

- Năm 2023, các cơ quan tố tụng đã đấu tranh, phát hiện, khởi tố mới 98.369 vụ án hình sự (*tăng 13,4% so với năm 2022*). Cụ thể: đã khởi tố 18 vụ/127 bị can phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia; 31.270 vụ/71.708 bị can phạm tội xâm phạm trật tự xã hội; 39.034 vụ/39.874 bị can phạm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, sở hữu và môi trường; 27.031 vụ/39.946 bị can phạm tội về ma túy; 947 vụ/2.804 bị can phạm tội về tham nhũng, chức vụ; 69 vụ/230 bị can phạm tội xâm phạm hoạt động tư pháp.

- Năm 2024, các cơ quan chức năng đấu tranh, phát hiện, khởi tố mới 100.394 vụ án hình sự, tăng 2,1% so với năm 2023, cụ thể: Tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia: Đã khởi tố 37 vụ/46 bị can, tăng 19 vụ (105,6%); tội phạm xâm phạm trật tự xã hội: Đã khởi tố 31.746 vụ án/73.767 bị can, tăng 476 vụ (1,5%); tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, sở hữu và môi trường: Đã khởi tố 38.217 vụ án/ 41.46/ bị can, tăng 817 vụ (2,1%); tội phạm về ma túy: Đã khởi tố 29.285 vụ/46.014 bị can, tăng 2.254 vụ (8,3%); tội phạm về tham nhũng, chức vụ: Đã khởi tố mới 1.038 vụ/2.811 bị can, tăng 91 vụ (9,6%); tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp: Đã khởi tố 71 vụ/276 bị can, tăng 02 vụ (2,9%).

- Năm 2025, các cơ quan chức năng đấu tranh, phát hiện, khởi tố mới gần 82.000 vụ án hình sự, giảm 19,18% so với năm 2024, cụ thể: Tội phạm về trật tự xã hội giảm 12,18%; tội phạm về trật tự quản lý kinh tế giảm 28,97%; tội phạm về tham nhũng, chức vụ giảm 17,57%; tội phạm về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm giảm 48,17%; tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông giảm 11,53%; tội phạm về ma túy giảm 18,29%. Trong khi đó, các loại tội phạm về lừa đảo chiếm đoạt tài sản tăng 11,76%, sản xuất, buôn bán hàng giả (tăng 47,17%), gây rối trật tự công cộng (tăng 21,83%).

** Cơ cấu trong kết quả điều tra, khởi tố tội phạm*

- Về cơ cấu theo các tội được khởi tố:

Thứ nhất, các tội bị khởi tố nhiều nhất tập trung vào: Các tội về ma túy như tàng trữ trái phép chất ma túy, mua bán trái phép chất ma túy; Tội trộm cắp tài sản; Tội đánh bạc; Tội gây rối trật tự công cộng; tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn

hại cho sức khỏe của người khác; Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ... Nguyên nhân vì đây là các dạng tội phạm truyền thống, được BLHS nhận diện và định lượng tương đối rõ ràng trong cấu thành tội phạm nên dễ áp dụng để xử lý; bên cạnh đó, các hành vi về cố ý gây thương tích, trộm cắp tài sản, gây rối trật tự công cộng, vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ... là các loại tội phạm đơn giản, dễ thực hiện, nhiều trường hợp hành vi được thể hiện bột phát ra bên ngoài và trở thành tội phạm mà không cần có sự tính toán, chuẩn bị kỹ lưỡng như các loại tội phạm khác; ngoài ra, tội phạm về ma túy chiếm tỉ lệ cao xuất phát từ lợi nhuận lớn mà các hành vi trong lĩnh vực này mang lại cho người vi phạm, khiến họ bất chấp tất cả để thực hiện hành vi phạm tội.

Thứ hai, các tội chưa khởi tố tập trung vào một số lĩnh vực sau đây:

- + Lĩnh vực an ninh quốc gia (07 tội danh)⁴;
- + Lĩnh vực trật tự xã hội (01 tội danh)⁵;
- + Lĩnh vực hôn nhân và gia đình (02 tội danh)⁶;
- + Lĩnh vực kinh tế, tham nhũng, chức vụ (12 tội danh)⁷;
- + Lĩnh vực ma túy (02 tội danh)⁸;
- + Lĩnh vực môi trường (06 tội danh)⁹;
- + Lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông (01 tội danh)¹⁰;
- + Lĩnh vực phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh (05 tội danh)¹¹.

Thứ ba, các tội bị khởi tố với tỉ lệ rất thấp tập trung vào một số các lĩnh vực như:

- + Trong lĩnh vực trật tự xã hội (04 tội danh)¹²;

⁴ Tội xâm phạm an ninh lãnh thổ (Điều 111); tội bạo loạn (Điều 112); tội phá hoại cơ sở vật chất kỹ thuật của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (Điều 114); tội phá hoại thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội (Điều 115); tội phá rối an ninh (Điều 118); tội chống phá cơ sở giam giữ (Điều 119); tội tổ chức cưỡng ép, xúi giục người khác trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 120).

⁵ Tội đánh tráo người dưới 01 tuổi (Điều 152).

⁶ Tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng (Điều 186) và Tội tổ chức tảo hôn (Điều 183).

⁷ Tội đầu cơ (Điều 196); tội quảng cáo gian dối (Điều 197); tội vi phạm quy định về cung ứng điện (Điều 199); tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán (Điều 210); tội làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán (Điều 212); Tội vi phạm quy định về cạnh tranh (Điều 217); tội vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp (Điều 217a); tội thông đồng, bao che cho người nộp thuế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 223); tội cố ý làm trái về phân phối tiền, hàng cứu trợ (Điều 231); tội vô ý làm lộ bí mật công tác; tội làm mất tài liệu, bí mật công tác (Điều 362); tội đảo nhiệm (Điều 363); tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 180).

⁸ Tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 257); tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần (Điều 259).

⁹ Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại (Điều 236); tội vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường (Điều 237); tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông (Điều 238); tội làm lây lan dịch bệnh cho động vật, thực vật (Điều 241); tội vi phạm các quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên (Điều 245); tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm nhập (Điều 246).

¹⁰ Tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử (Điều 286).

¹¹ Tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược (Điều 421); tội chống loài người (Điều 422); tội phạm chiến tranh (Điều 423); tội tuyển mộ, huấn luyện hoặc sử dụng lính đánh thuê (Điều 424); tội làm lính đánh thuê (Điều 425).

- + Trong lĩnh vực kinh tế tham nhũng, chức vụ (13 tội danh)¹³;
- + Trong lĩnh vực ma túy (07 tội danh)¹⁴;
- + Trong lĩnh vực môi trường (05 tội danh)¹⁵;
- + Trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông (04 tội danh)¹⁶.

Trong đó, có thể chia các tội phạm chưa hoặc ít khởi tố trong thời gian qua thành 03 nhóm như sau: (1) Các tội chưa hoặc rất ít khi xảy ra hành vi vi phạm; (2) Các tội có hành vi vi phạm xảy ra, được phát hiện nhưng không hoặc ít bị xử lý; (3) Các tội thực tế có thể có hành vi vi phạm xảy ra nhưng rất ít bị phát hiện;

Nguyên nhân của việc chưa hoặc ít khởi tố đối với các nhóm tội trên cụ thể như sau:

Thứ nhất, đối với các tội chưa hoặc rất ít xảy ra hành vi vi phạm

+ Nguyên nhân chủ quan: Do cơ quan chức năng đã làm tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh, do vậy, tội phạm không hoặc ít có điều kiện được thực hiện.

+ Nguyên nhân khách quan: (1) Một số tội phạm chỉ mang tính răn đe, như tội đánh tráo người dưới 01 tuổi, các tội về hôn nhân, gia đình như: tội cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện...; (2) Một số điều luật mang tính dự báo như trong lĩnh vực môi trường, công nghệ thông tin như: tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam; Tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử...; (3) Trong điều kiện, hoàn cảnh của đất nước hòa bình, ổn định như hiện tại nên ít có khả năng xảy ra các tội phạm về chống lại hòa bình, chống lại loài người hoặc tội ác chiến tranh.

Thứ hai, đối với các tội có hành vi vi phạm xảy ra, được phát hiện nhưng không hoặc ít bị xử lý

¹² tội làm chết người trong khi thi hành công vụ (Điều 127); tội lây truyền HIV cho người khác (Điều 148); tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người (Điều 154); tội cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, cản trở ly hôn (Điều 181).

¹³ Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, phòng bệnh (Điều 194); tội làm, buôn bán tem giả, vé giả (Điều 202); tội lập quỹ trái phép (Điều 205); tội làm, tàng trữ, lưu hành công cụ chuyển nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác (Điều 208); tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán (Điều 209); tội thao túng thị trường chứng khoán (Điều 211); tội gian lận trong kinh doanh bảo hiểm (Điều 213); tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động (Điều 216); tội vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng vốn đầu tư công gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 220); tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan (Điều 225); tội vi phạm quy định về quản lý đất đai (Điều 229); tội vi phạm quy định về quản lý rừng (Điều 233); tội cố ý làm lộ bí mật công tác; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật công tác (Điều 361).

¹⁴ Tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 248); tội trồng cây thuốc phiện, cây coca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy (Điều 247); tội chiếm đoạt chất ma túy (Điều 252); tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 253); tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 254); tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 256); tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 258).

¹⁵ Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam (Điều 239); tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người (Điều 240); tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản (Điều 242); tội vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, pha chế, cấp phát, bán thuốc hoặc dịch vụ y tế khác (Điều 315); tội vi phạm quy định về an toàn thực phẩm (Điều 317).

¹⁶ Tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật (Điều 285); tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử (Điều 287); tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng (Điều 291); tội sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh (Điều 293).

+ Nguyên nhân chủ quan: (1) Việc làm chủ công nghệ (công nghệ thông tin, viễn thông, công nghệ giám định, định giá...) còn nhiều hạn chế, dẫn đến tình trạng mặc dù có hành vi phạm tội xảy ra nhưng không xác định được các yếu tố về thiệt hại hoặc không truy được dấu vết nên không thể xử lý; (2) Các đơn vị nghiệp vụ đôi khi chưa chủ động tham mưu, chưa tích cực tham gia ý kiến trong xây dựng và hoàn thiện pháp luật, đặc biệt là trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành đối với các quy định dẫn đến thiếu cơ sở pháp lý để áp dụng, xử lý hành vi phạm tội; (3) Công tác phối hợp giữa các cục nghiệp vụ của Bộ Công an với các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân có lúc, có nơi còn chậm, nhiều khi không thống nhất trong quan điểm giải quyết vụ án hình sự.

+ Nguyên nhân khách quan: (1) Quy định tại nhiều điều luật còn chưa rõ ràng, chưa cụ thể, còn nhiều tình tiết mang tính chất định tính, trong khi đó thiếu văn bản hướng dẫn thi hành và quy định chi tiết nên khó áp dụng trên thực tế, cụ thể như: 28 điều luật quy định về tình tiết “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”; 04 điều luật quy định về tình tiết “xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm” 05 điều luật quy định về tình tiết “số lượng lớn”...; (2) Nhiều quy định chưa có hướng dẫn về phương pháp, cách thức xác định mức độ thiệt hại gây ra bởi hành vi phạm tội nên dẫn đến thiếu cơ sở để xử lý hình sự.

Thứ ba, đối với các tội thực tế có thể có hành vi vi phạm xảy ra nhưng ít bị phát hiện

+ Nguyên nhân chủ quan: Việc chưa phát hiện được tội phạm dù thực tế có thể có hành vi phạm tội xảy ra có thể xuất phát từ việc tiến hành công tác điều tra cơ bản, nắm tình hình có lúc, có nơi chưa thực sự hiệu quả, còn hình thức, đặc biệt là việc điều tra cơ bản, nắm tình hình trong các lĩnh vực như thuế, bảo hiểm, môi trường, chứng khoán...

+ Nguyên nhân khách quan: (1) Phương thức, thủ đoạn hoạt động của các đối tượng phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt, sử dụng ngày càng nhiều công nghệ cao gây khó khăn cho cơ quan điều tra trong thu thập tài liệu, chứng cứ; (2) Ý thức, trách nhiệm của một bộ phận quần chúng nhân dân trong phối hợp với cơ quan chức năng tố giác, đấu tranh với tội phạm chưa cao, không ít người còn e ngại với những hành vi vi phạm pháp luật trong xã hội.

- Về cơ cấu theo chủ thể thực hiện tội phạm, trong các tội danh đã được khởi tố thì tỉ lệ các tội phạm do pháp nhân thương mại rất thấp, trong 08 năm qua, chỉ khởi tố 16 vụ đối với pháp nhân thương mại phạm tội (chiếm 0,0023%), nguyên nhân do đây là quy định mới, chưa có tiền lệ nên còn lúng túng trong áp dụng, bên cạnh đó, nhiều quy định về pháp nhân thương mại còn chưa thực sự rõ ràng nên việc áp dụng còn khó khăn, vướng mắc, dẫn đến đa số các trường hợp chỉ xử lý vi phạm hành chính đối với pháp nhân thương mại.

b) Công tác xét xử vụ án hình sự

Trong công tác xét xử của ngành Tòa án, việc áp dụng các quy định của BLHS trong thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực, phát huy hiệu quả, thể hiện tinh thần chủ động phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh chống tội phạm, thông qua hình phạt nhằm răn đe, giáo dục, cảm hóa, cải tạo người phạm tội trở thành người lương thiện, qua đó bồi dưỡng mọi công dân tinh thần, ý thức làm chủ xã hội,

ý thức tuân thủ pháp luật, chủ động tham gia phòng ngừa và chống tội phạm. Từ đó, công tác xét xử cũng có nhiều chuyển biến tích cực, bảo đảm về chất lượng và tiến độ giải quyết các vụ án, đảm bảo công bằng trong xét xử, bản án tuyên được mọi người dân đồng tình ủng hộ, cụ thể:

- Trong công tác xét xử cá nhân phạm tội

+ *Về tình hình xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự do cá nhân phạm tội*, trong kỳ báo cáo, Tòa án các cấp đã xét xử 576.968 vụ/1.089.929 bị cáo. Trong đó, Tội tàng trữ trái phép chất ma túy bị xét xử nhiều nhất với 110.464 vụ/131.749 bị cáo; tiếp theo là Tội trộm cắp tài sản với 100.076 vụ/135.979 bị cáo; Tội mua bán trái phép chất ma túy với 54.319 vụ/82.341 bị cáo; Tội đánh bạc với 40.858 vụ/190.021 bị cáo. Các tội ít hoặc chưa bị xét xử gồm các tội sau: Tội vi phạm quy định về quản lý chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân; Tội vi phạm quy định về quản lý chất cháy, chất độc; Tội hành nghề, mê tín, dị đoan; Tội là lính đánh thuê; Tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội; Tội tha trái pháp luật người bị bắt, người đang bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù; Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn bắt, giữ, giam người trái pháp luật; Tội cản trở việc thi hành án; Tội trốn tránh nhiệm vụ; Tội vi phạm các quy định về bảo đảm an toàn trong chiến đấu hoặc trong huấn luyện; Tội lạm dụng nhu cầu quân sự trong khi thực hiện nhiệm vụ; Tội cố ý bỏ thương binh, tử sĩ hoặc không chăm sóc, cứu chữa thương binh; Tội chiếm đoạt hoặc hủy hoại di vật của tử sĩ; Tội chiếm đoạt hoặc hủy hoại chiến lợi phẩm; Tội ngược đãi tù binh, hàng binh; Tội phá hoại hòa bình gây chiến tranh xâm lược; Tội chống loài người; Tội tuyển mộ, huấn luyện hoặc sử dụng lính đánh thuê; Tội phạm chiến tranh; Tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự.

+ *Về tình hình xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự do cá nhân thực hiện*, trong kỳ báo cáo đã xét xử 110.692 vụ (chiếm trên 19% số vụ án xét xử sơ thẩm)/179.317 bị cáo (chiếm hơn 16% tổng số bị cáo bị xét xử sơ thẩm). Trong đó, nhóm tội danh xét xử phúc thẩm nhiều nhất là các tội xâm phạm sở hữu với 27.347 vụ/36.294 bị cáo; tiếp theo là các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người với 24.001 vụ/34.998 bị cáo; các tội phạm khác xâm phạm trật tự công cộng với 21.648 vụ/54.228 bị cáo.

+ *Về áp dụng hình phạt trong xét xử các vụ án hình sự do cá nhân thực hiện*, qua tổng kết thấy rằng, khung hình phạt được áp dụng nhiều nhất là phạt tù từ 03 năm trở xuống (chiếm 58%), tiếp đến là khung từ trên 03 năm đến 07 năm (chiếm 16,4%). Hình phạt được áp dụng ít là trục xuất, cảnh cáo.

Hình phạt tử hình thường được áp dụng nhiều nhất ở nhóm tội phạm về ma túy, cụ thể: Tội mua bán trái phép chất ma túy (chiếm 59,3%), Tội vận chuyển trái phép chất ma túy (25,4%), Tội sản xuất trái phép chất ma túy (0,01%). Tiếp đó là nhóm tội về xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm con người, cụ thể: Tội giết người (14,6%), Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (0,01%), Tiếp đến là nhóm tội phạm về tham nhũng (Tội tham ô tài sản (0,02%)). Các tội phạm BLHS không áp dụng hình phạt tử hình gồm: Tội phản bội Tổ quốc; Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân; Tội gián điệp; Tội bạo loạn; Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân; Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nhìn chung, quá trình giải quyết, xét xử các vụ án hình sự đối với cá nhân cho thấy, số lượng các vụ án tiếp tục gia tăng với tính chất, mức độ phức tạp, quy mô, thủ đoạn phạm tội tinh vi. Việc xét xử đảm bảo nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; chưa phát hiện trường hợp nào kết án oan người vô tội. Đã áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với người chủ mưu, cầm đầu, đặc biệt các vụ án thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo dõi, chỉ đạo được Tòa án các cấp tổ chức xét xử nghiêm túc, đúng tiến độ, đúng pháp luật, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Hình phạt áp dụng đối với các bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Các trường hợp cho bị cáo hưởng án treo được cân nhắc kỹ lưỡng; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm đúng pháp luật, phát huy ý nghĩa nhân văn, tạo điều kiện cho người bị kết án được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

- Trong công tác xét xử pháp nhân thương mại phạm tội

+ *Về các tội phạm bị xét xử*, trong kỳ báo cáo đã xét xử sơ thẩm 13 vụ/41 pháp nhân thương mại, xét xử phúc thẩm 01 vụ/01 bị cáo, tập trung vào một số tội như Tội trốn thuế (chiếm 47%), Tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động (chiếm 23,1%), Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (chiếm 23,1%), Tội buôn lậu (chiếm 7,3%).

+ *Về hình phạt áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội*, hình phạt áp dụng đối với pháp nhân phạm tội chủ yếu là hình phạt tiền (chiếm 94,1%), ngoài ra còn có 01 vụ án bị áp dụng hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn (chiếm 5.9%).

Trong quân đội, Tòa án quân sự các cấp đã giải quyết tốt các vụ án thuộc thẩm quyền, chất lượng xét xử ngày càng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, chưa phát hiện trường hợp kết án oan người không có tội; trong kỳ báo cáo Tòa án quân sự các cấp đã giải quyết, xét xử 1.619 vụ/4.276 bị cáo, trong đó: xét xử sơ thẩm 1.068 vụ/2.572 bị cáo; phúc thẩm 310 vụ/767 bị cáo; giám đốc thẩm 15 vụ/48 bị cáo; tái thẩm 03 vụ/06 bị cáo; các hình thức giải quyết khác là 223 vụ/883 bị cáo.

c) Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra, truy tố các tội phạm hình sự

Trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra các tội phạm hình sự: Ngành Kiểm sát thực hiện nghiêm các biện pháp nhằm tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, bảo đảm chống oan, sai, chống bỏ lọt tội phạm; không hình sự hoá các quan hệ kinh tế, dân sự, hành chính và ngược lại; Ngành Kiểm sát quán triệt, thực hiện nghiêm các quy định của BLHS các văn bản chi tiết và hướng dẫn thi hành, các quy định, quy trình, quy chế của Ngành liên quan đến việc giải quyết vụ việc, vụ án hình sự; kiểm sát 100% số vụ việc, vụ án ngay từ khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, bảo đảm việc thu thập chứng cứ và các hoạt động điều tra được tiến hành khách quan, toàn diện, đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật; chủ động, tăng cường tham gia hỏi cung và trực tiếp hỏi cung... Phối hợp chặt chẽ với cơ quan điều tra có thẩm quyền để khởi tố, điều tra các vụ án trọng điểm, phức tạp phục vụ nhiệm vụ chính trị, được dư luận xã hội đồng tình, quan tâm, ủng hộ.

Trong công tác Thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp giai đoạn truy tố các tội phạm hình sự: Viện kiểm sát các cấp tích cực, chủ động tiến hành các hoạt động điều tra theo thẩm quyền để quyết định việc truy tố; Kiểm sát viên tăng cường phúc cung để củng cố các chứng cứ gỡ tội, buộc tội, bảo đảm các quyết định truy tố đều đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, nhất là đối với những vụ án phức tạp, chứng cứ có nhiều mâu thuẫn, khiếu kiện, oan sai, bức xúc; hạn chế đến mức thấp nhất các trường hợp Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì thiếu chứng cứ, thay đổi, bổ sung tội danh truy tố hoặc xét xử với tội danh khác với tội danh truy tố; kết quả tỷ lệ truy tố đúng thời hạn đạt 100%, tỷ lệ truy tố đúng tội danh trong các năm vượt chỉ tiêu so với chỉ tiêu đặt ra của Quốc hội. Chất lượng công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát giải quyết các vụ án hình sự được đảm bảo. Thông qua thực hiện chức năng, ngành Kiểm sát tăng cường kiến nghị, yêu cầu Cơ quan điều tra khắc phục vi phạm trong hoạt động điều tra và tỷ lệ kiến nghị được tiếp thu, thực hiện đạt tỷ lệ cao (các năm đều đạt trên 99 %). Bên cạnh đó, trong giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát các cấp cũng chú trọng ban hành kiến nghị đối với cơ quan, tổ chức hữu quan trong việc áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm; ban hành nhiều thông báo rút kinh nghiệm trong toàn Ngành.

3. Những tác động tích cực của BLHS đối với công tác phòng, chống tội phạm

Qua thực tiễn 08 năm thi hành, có thể thấy BLHS năm 2015 là yếu tố quan trọng, cung cấp cơ sở pháp lý nhằm kiểm chế tình hình tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, giữ vững sự ổn định chính trị, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, phòng chống tội phạm, góp phần xây dựng xã hội trật tự, an toàn, kỷ cương, lành mạnh. Những tác động tích cực cụ thể được thể hiện trên các phương diện sau:

Thứ nhất, việc áp dụng các quy định của BLHS thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng, Nhà nước như: giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm; hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; giảm bớt khung hình phạt tối đa quá cao trong một số loại tội phạm; khắc phục tình trạng hình sự hoá quan hệ kinh tế, quan hệ dân sự và bỏ lọt tội phạm... đã góp phần đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội, giúp người phạm tội có cơ hội, điều kiện để sửa chữa sai lầm và tiếp tục cống hiến cho xã hội;

Thứ hai, việc áp dụng các quy định về nghiêm trị trong BLHS như: nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội đã làm tăng tính nghiêm khắc, tác dụng răn đe của BLHS đối với tội phạm, góp phần quan trọng hình thành ý thức và hành vi đúng đắn theo quy định của pháp luật hình sự trong nhân dân;

Thứ ba, việc áp dụng các quy định của BLHS thể hiện được phương châm chủ động phòng ngừa, tấn công tội phạm, lấy phòng ngừa là chính, kết hợp với răn đe, giáo dục chung, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

Thứ tư, việc áp dụng các quy định của BLHS tạo ra cơ chế hữu hiệu để bảo vệ chế độ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước và tổ chức, góp phần bảo vệ trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, bảo đảm mọi người được sống trong một môi trường an toàn, lành mạnh;

Thứ năm, việc áp dụng các quy định của BLHS góp phần đổi mới, nâng cao nhận thức về chính sách hình sự mà trọng tâm là đổi mới quan niệm về tội phạm và hình phạt, về cơ sở của trách nhiệm hình sự, về chính sách xử lý đối với một số loại tội phạm và loại chủ thể phạm tội, đảm bảo các quy định của BLHS không chỉ là công cụ pháp lý để các cơ quan chức năng đấu tranh, trấn áp tội phạm mà còn là cơ sở pháp lý để bảo vệ sự phát triển lành mạnh các quan hệ kinh tế - xã hội; để mọi người dân tự bảo vệ mình, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của xã hội; khuyến khích người dân chủ động, tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm.

II. NHỮNG BẤT CẬP, HẠN CHẾ TRONG THỰC TIỄN THI HÀNH BỘ LUẬT HÌNH SỰ

1. Khó khăn, vướng mắc và bất cập, hạn chế trong công tác tổ chức thi hành BLHS

- Ngày 25/10/2017, Hội nghị Trung ương 6 khoá XII đã ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện tinh thần đó, một cuộc “cách mạng” về tổ chức bộ máy đã diễn ra với các nội dung lớn như: sắp xếp, tổ chức lại chính quyền địa phương 02 cấp; thay đổi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy mô của các bộ, ngành, địa phương; thay đổi về cơ cấu tổ chức của các cơ quan tư pháp... Những thay đổi trên diễn ra trong thời gian ngắn đã gây những xáo trộn nhất định đối với công tác triển khai, thi hành pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng.

- Hiện tại, Bộ luật Hình sự năm 1999 đã hết hiệu lực thi hành nên theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 thì cần thiết phải xử lý hiệu lực thi hành đối với các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999. Qua rà soát thấy rằng, còn nhiều thông tư liên tịch hướng dẫn áp dụng Bộ luật này¹⁷ nhưng chưa có phương án xử lý hiệu lực và chưa có văn bản thay thế để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong áp dụng pháp luật.

¹⁷ (1) Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT/BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII (Các tội phạm về ma túy) của Bộ luật Hình sự năm 1999; (2) Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT/BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP sửa đổi Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT/BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII (Các tội phạm về ma túy) của Bộ luật Hình sự năm 1999; (3) Thông tư liên tịch số 06/2008/TTLT/BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 25/12/2008 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các hành vi sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép pháo nổ và thuốc pháo; (4) Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT/BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC ngày 30/11/2011 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước Việt nam, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự về tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có; (5) Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT/BCA-BQP-BTP-BTT&TT-VKSNDTC-TANDTC ngày 10/9/2012 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự về một số tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông; (6) Thông tư liên tịch số 09/2013/TTLT/BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 28/8/2013 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư

- Tình hình kinh tế, xã hội phát triển và có nhiều thay đổi, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại nhiều tiện ích chưa từng có đối với nhân loại, nhưng đồng thời cũng gây ra những sức ép không nhỏ đối với tình hình an ninh, trật tự; tình hình tội phạm có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, nhiều loại tội phạm mới xuất hiện, nhiều loại tội phạm truyền thống nhưng được thực hiện với các phương thức, thủ đoạn mới, các mối nguy về an ninh phi truyền thống vẫn hiện hữu, các thế lực thù địch trong và ngoài nước vẫn không ngừng triển khai các âm mưu và hoạt động chống phá nhằm các mục đích khác nhau về kinh tế, chính trị, xã hội...;

- Hệ thống pháp luật trên nhiều lĩnh vực còn những sơ hở, thiếu sót, còn một số các quy định chưa thống nhất, tạo điều kiện để các đối tượng lợi dụng thực hiện hành vi phạm tội;

- Trình độ, năng lực và hiểu biết pháp luật hình sự của cán bộ và đội ngũ làm công tác thi hành pháp luật hình sự là chưa đồng đều, còn hạn chế, một bộ phận cán bộ, chiến sỹ có ý thức, trách nhiệm trong triển khai, thi hành pháp luật hình sự còn chưa cao, một số lãnh đạo các cơ quan chức năng đôi khi chưa thực sự phát huy vai trò của người đứng đầu, chưa quan tâm đúng mức, chưa quyết liệt trong chỉ đạo việc tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát các mặt hoạt động liên quan đến công tác tổ chức triển khai, thi hành Bộ luật Hình sự;

- Ý thức và tinh thần tuân thủ pháp luật hình sự của một bộ phận người dân còn thấp, mặt bằng chung về trình độ pháp luật của người dân tuy đã được cải thiện nhưng vẫn chưa có sự nâng cao rõ rệt, đặc biệt là ở các vùng sâu, vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn; một bộ phận người dân khi được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật hình sự thì thờ ơ, không chủ động tiếp thu, coi pháp luật hình sự không liên quan đến bản thân;

- Các nguồn kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ công tác thi hành BLHS chưa đảm bảo, như kinh phí xây dựng, tuyên truyền, phổ biến và áp dụng pháp luật hình sự còn khiêm tốn, chỉ đảm bảo các yêu cầu tối thiểu và cơ bản, trong khi đó, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống tội phạm đòi hỏi kỹ thuật hiện đại, giá thành cao và cần phải có một nguồn kinh phí đủ lớn;

- Sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong triển khai, thi hành Luật có lúc, có nơi còn lỏng lẻo, chưa đồng bộ, còn mang tính hình thức;

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quan tâm đến công tác triển khai thi hành BLHS năm 2015, nhất là công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; còn nhận thức chưa đầy đủ vai trò, vị trí, tầm quan trọng của Bộ luật Hình sự trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự tại địa phương, đơn vị mình.

2. Bất cập, hạn chế trong quy định của BLHS

Qua tổng kết thấy rằng, các bất cập, hạn chế liên quan đến nội dung quy định của BLHS năm 2015 tập trung trong 07 nhóm vấn đề sau:

a) Thực tiễn thi hành các quy định của BLHS đã bộc lộ nhiều vướng mắc, bất cập về loại trừ trách nhiệm hình sự, quy định về miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt, cụ thể như sau:

** Về các trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự*

- Điều 25 BLHS chỉ mới quy định về loại trừ trách nhiệm hình sự đối với rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ, thiếu quy định về loại trừ trách nhiệm hình sự đối với rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng mô hình sản xuất, kinh doanh mới, trong khi đó, việc áp dụng, thử nghiệm các mô hình sản xuất, kinh doanh mới là một trong những động lực của nền kinh tế, tuy nhiên lại tiềm ẩn rất nhiều rủi ro có thể gặp phải.

Liên quan đến vấn đề này, thời gian qua, Đảng cũng đưa ra nhiều quan điểm mới, cụ thể như: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57). Trong Nghị quyết này Đảng ta chỉ rõ *cần tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn nhân lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước, phát huy dân chủ, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý mọi hành vi can thiệp trái pháp luật vào hoạt động tư pháp; đồng thời, khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế, đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, có cách tiếp cận mở, sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề mới thực tiễn đặt ra, có chính sách miễn trừ trách nhiệm hình sự đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan, đồng thời Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, vì lợi ích chung cũng nêu nhiệm vụ “khuyến khích cán bộ có tư duy sáng tạo, cách làm đột phá, tháo gỡ, giải quyết những điểm nghẽn, nút thắt trong cơ chế, chính sách, tập trung vào những vấn đề chưa được quy định hoặc đã có quy định nhưng không phù hợp với thực tiễn, mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực, tạo được chuyển biến mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung”*. Do đó, cần thiết phải bổ sung quy định này, một mặt đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, một mặt thể chế hóa các quan điểm của Đảng trong thời gian gần đây.

- Theo quy định của Luật Công an nhân dân, Luật An ninh quốc gia thì biện pháp nghiệp vụ là một trong những biện pháp công tác Công an quan trọng để phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm. Thực tiễn cho thấy, đây là một trong những biện pháp hiệu quả để các cá nhân, cơ quan có thẩm quyền tiến hành các hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Như vậy việc tiến hành các biện pháp nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền là công tác có cơ sở về mặt pháp lý và thực tiễn, xuất phát từ tính chất đặc thù, chuyên biệt trong công tác của các lực lượng Công an. Tuy nhiên, BLHS chưa có quy định để bảo đảm cơ chế bảo vệ đối với cán bộ, chiến sĩ khi thực hiện biện pháp nghiệp vụ; chưa bảo đảm các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ được

giao trong khuôn khổ pháp lý; đồng thời, chưa thể chế hóa được tinh thần của Quy định số 183-QĐ/TW ngày 18/9/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về bảo vệ cơ quan, tổ chức, người thi hành công vụ trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án (Quy định số 183).

** Về miễn trách nhiệm hình sự*

- Thực tiễn thi hành BLHS cho thấy có những hành vi vi phạm, gây thiệt hại nhưng vì mục đích phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh; không tham nhũng; mang lại hiệu quả kinh tế xã hội cho địa phương, đất nước; có thể khắc phục toàn bộ hậu quả nhưng vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự là chưa phù hợp với thực tiễn, chưa bảo đảm tính công bằng, chưa góp phần khuyến khích người phạm tội khắc phục hậu quả; đồng thời, chưa phân hóa được hành vi vi phạm mà có yếu tố tham nhũng với hành vi vi phạm mà không có yếu tố tham nhũng;

Liên quan đến chính sách này, thời gian qua, Đảng cũng đã ban hành các Nghị quyết về nội dung này như tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân (Nghị quyết số 68); trong đó, chỉ đạo: *“Sửa đổi các quy định về pháp luật hình sự, dân sự, tố tụng hình sự, tố tụng dân sự để bảo đảm nguyên tắc khi xử lý các sai phạm, vụ việc về dân sự kinh tế, ưu tiên áp dụng các biện pháp về dân sự, kinh tế, hành chính trước, cho phép các doanh nghiệp, doanh nhân được chủ động khắc phục sai phạm, thiệt hại. Trường hợp thực tiễn áp dụng pháp luật có thể dẫn đến xử lý hình sự hoặc không xử lý hình sự thì kiên quyết không áp dụng xử lý hình sự. Trường hợp đến mức xử lý hình sự thì ưu tiên các biện pháp khắc phục hậu quả kinh tế trước và là căn cứ quan trọng để xem xét các biện pháp xử lý tiếp theo. Không hồi tố các quy định pháp luật để xử lý bất lợi cho doanh nghiệp. Đối với các vụ việc thiếu chứng cứ, chứng cứ không rõ ràng phải sớm có kết luận, tránh ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của doanh nghiệp, doanh nhân. Bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong quá trình điều tra, xét xử các vụ án.”* Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước (Nghị quyết số 79); trong đó, xác định *“Một trong những bất cập trong phát triển kinh tế Nhà nước đó là: Chính sách pháp luật về kinh tế nhà nước còn chậm đổi mới chưa theo kịp thực tiễn phát triển của nền kinh tế dẫn đến việc quản lý, khai thác và sử dụng nguồn lực, tài sản của Nhà nước chưa thật sự hiệu quả, còn lãng phí, thất thoát”* qua đó đưa ra nhiệm vụ, giải pháp: *“Cần phải hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế, thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu lực, hiệu quả; tăng cường kỷ luật – kỷ cương, phù hợp với các cam kết quốc tế”; “Xây dựng cơ chế đủ mạnh để bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong các trường hợp không có yếu tố tham nhũng, vụ lợi”*. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (Nghị quyết số 66); trong đó chỉ đạo: *“...không hình sự hoá các mối quan hệ kinh tế, hành chính, dân sự...”*; *“Ưu tiên đảm bảo hiệu quả thi hành pháp luật nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và trong các lĩnh vực dân sinh quan trọng khác (an toàn thực phẩm, môi trường, an toàn trên không gian mạng....)”*; *“Công tác xây dựng pháp luật cần phải thể chế hoá đầy đủ, kịp thời, đúng đắn chủ trương, đường lối của*

Đảng; xuất phát từ lợi ích toàn cục của đất nước; đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh; dứt khoát từ bỏ tư duy không quản được thì cấm; bảo đảm sự cân đối, hợp lý giữa mức độ hạn chế quyền với lợi ích chính đáng đạt được”.

Bên cạnh đó, để bảo đảm kỹ thuật lập pháp; bảo đảm tính nhân văn, nhân đạo của pháp luật hình sự, khuyến khích người phạm tội khắc phục hậu quả, cần thiết phải quy định về miễn trách nhiệm hình sự đối với người được hoãn truy cứu trách nhiệm hình sự nếu người đó đáp ứng được các yêu cầu để được miễn.

- Theo quy định của BLHS hiện hành thì chỉ được miễn trách nhiệm hình sự sau khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự; tuy nhiên có những tin báo, tố giác tội phạm, trong giai đoạn giải quyết, cơ quan có thẩm quyền đã có căn cứ miễn trách nhiệm hình sự nhưng lại chưa có quy định được miễn trách nhiệm hình sự ở giai đoạn này nên không thể miễn trách nhiệm hình sự mà phải khởi tố vụ án hình sự và các hoạt động khác, làm phát sinh các thủ tục tố tụng, không đáp ứng yêu cầu về tính nhân đạo, nhân văn của quy định này.

** Về miễn hình phạt*

Đối với cá nhân khi phạm các tội về kinh tế, môi trường... tại Điều 59 (Miễn hình phạt) nếu người phạm tội không nhằm mục đích thu lợi bất chính cho cá nhân, vì lợi ích chung, mặc dù đã áp dụng các biện pháp để quản lý rủi ro nhưng vẫn gây ra thiệt hại và họ đã khắc phục toàn bộ hậu quả và bồi thường toàn bộ thiệt hại nhưng cũng không được miễn hình phạt. Do đó, việc không miễn hình phạt đối với các trường hợp này là chưa phù hợp với mục đích chính của việc áp dụng hình phạt đối với các tội về kinh tế, môi trường là buộc khôi phục nguyên trạng và bồi thường thiệt hại tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân về phát triển kinh tế tư nhân. Theo đó, cần thể chế nội dung của Nghị quyết số 68 trong BLHS.

b) Thực tiễn thi hành các quy định của BLHS đã bộc lộ vướng mắc, bất cập tại các quy định mang tính nguyên tắc để làm cơ sở cho việc đấu tranh, phòng ngừa tội phạm và xây dựng các chương, điều cụ thể trong BLHS, cụ thể như sau:

- Phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của hành vi chuẩn bị phạm tội: theo quy định tại khoản 2 Điều 14 BLHS thì phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của hành vi chuẩn bị phạm tội chỉ đối với 25 tội danh (điều 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 123, 134, 168, 169, 207, 299, 300, 301, 302, 303 và 324), tuy nhiên, phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của hành vi phạm tội như nêu trên là không phù hợp với diễn biến của tình hình tội phạm vì có những tội danh hành vi chuẩn bị phạm tội đã gây nguy hiểm cho xã hội. Đồng thời, tại các văn bản của Đảng cũng chỉ đạo tinh thần “lấy phòng ngừa là chính” như tại Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, nên cần thể chế hóa qua điểm nêu trên trong quy định của BLHS. Do vậy, cần phải nghiên cứu mở rộng phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của hành vi chuẩn bị phạm tội đối với một số tội danh khác cho phù hợp với thực tiễn.

- BLHS hiện hành chưa có quy định về tổ chức tội phạm, do đó, trong nhiều trường hợp chưa có cơ chế để phòng ngừa từ xa, từ sớm đối với loại tội phạm này. Theo đánh giá của APG tại Mục 39 Trang 131 MER4 và báo cáo đánh giá rà soát của Joint Group, việc tham gia vào một tổ chức tội phạm và gian lận không bị hình sự hóa riêng biệt ở Việt Nam, cũng không có tội phạm dựa trên âm mưu (Căn cứ trên khuyến nghị 03 và tiêu chí 3.2 trong phương pháp luận đánh giá mức độ tuân thủ kỹ thuật đối với các khuyến nghị của FATF). Bên cạnh đó, việc quy định về tổ chức tội phạm sẽ là cơ sở để quy định về tình tiết tăng nặng đối với người phạm tội “là thành viên của tổ chức tội phạm”, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm có tổ chức trong thời gian tới.

Đồng thời, thời gian qua, Đảng cũng đã có nhiều quan điểm chỉ đạo về nội dung này, cụ thể là: Kết luận số 13-KL/TW ngày 16/8/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, phù hợp với Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030 của Chính phủ.

- Diện các đối tượng không phải chịu trách nhiệm hình sự do không tố giác tội phạm là chưa bao quát hết các mối quan hệ “thân thích” của một cá nhân, chưa bảo đảm tính nhân văn, nhân đạo, bảo đảm tính công bằng của pháp luật; bên cạnh đó, Theo quy định của khoản 3 Điều 19 này thì người bào chữa không phải chịu trách nhiệm hình sự nếu không tố giác tội phạm do thân chủ của mình đang chuẩn bị thực hiện, đang thực hiện hoặc đã thực hiện đối với các tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng và rất nghiêm trọng (trừ các tội xâm phạm an ninh quốc gia). Quy định như trên là không phù hợp vì: thời điểm người bào chữa tham gia tố tụng để bào chữa cho thân chủ thì hành vi phạm tội đã diễn ra trước đó, người bào chữa thực hiện nhiệm vụ của mình để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thân chủ liên quan đến hành vi thân chủ của họ đã thực hiện trước đó nên không phải chịu trách nhiệm hình sự nếu họ không tố giác tội phạm liên quan đến hành vi này là hợp lý. Tuy nhiên, đối với những hành vi phạm tội mà thân chủ của người bào chữa chuẩn bị thực hiện hoặc đang thực hiện (phạm một tội mới hoặc tiếp diễn hành vi phạm tội đã thực hiện trước đó) không thuộc phạm vi nhiệm vụ của người bào chữa nên nếu người bào chữa không tố giác đối với các hành vi này sẽ vi phạm nguyên tắc của pháp luật hình sự “mọi hành vi phạm tội do người thực hiện phải được phát hiện kịp thời”, do vậy, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với họ về hành vi không tố giác các tội phạm đang được chuẩn bị thực hiện hoặc đang thực hiện là không hợp lý.

- Theo quy định tại Điều 47, “vật, tiền” có thể được sử dụng làm công cụ, phương tiện để thực hiện tội phạm, đồng thời “vật, tiền” cũng có thể là “sản phẩm” có được do việc thực hiện tội phạm và đều là đối tượng bị tịch thu để sung vào ngân sách của nhà nước. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy chúng ta đang đứng trước kỷ nguyên của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 thì thuật ngữ “vật, tiền” đã không phản ánh đầy đủ những gì mới xuất hiện như đồng tiền điện tử, phần mềm máy tính, games điện tử, phần mềm trí tuệ nhân tạo... Đây đều không phải “vật, tiền” (vì không thuộc về thế giới vật chất mà con người có thể nhận biết qua thị giác, xúc giác) nhưng có thể quy đổi thành giá trị vật chất và trong nhiều trường hợp đều có

thể sử dụng làm công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm.

- Theo quy định hiện hành, chỉ người đang chấp hành án phạt tù bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh thì mới được trừ thời gian bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh vào thời gian chấp hành án. Còn đối với các đối tượng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, nếu không bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh thì thời gian bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh không được trừ vào thời gian chấp hành án. Quy định như trên là chưa bảo đảm tính công bằng trong tổ tụng hình sự.

- Trường hợp người phạm tội sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn gây nhiều khó khăn cho việc điều tra tội phạm. Đối với trường hợp này, việc tăng nặng trách nhiệm hình sự là điều cần thiết nhưng BLHS hiện hành không quy định tình tiết này. Bên cạnh đó, để nâng cao hiệu quả phòng ngừa, răn đe đối với tội phạm có tổ chức đang diễn ra rất phức tạp trên thực tiễn, cần thiết phải bổ sung quy định tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội là thành viên của tổ chức tội phạm.

- Việc áp dụng tha tù trước thời hạn có điều kiện còn khá hạn chế, đặc biệt là đối với các điều kiện như phạm tội lần đầu hoặc có nơi cư trú rõ ràng khiến cho việc áp dụng chính sách tha tù trước thời hạn có điều kiện trở nên bất hợp lý và thiếu tính linh hoạt trong thực tiễn.

c) Các quy định về hình phạt chưa thực đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm, cũng như chính sách khoan hồng, nhân đạo của Nhà nước, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội; tạo điều kiện để người phạm tội được tiếp tục lao động, cống hiến cho xã hội còn nhiều bất cập

- Chế tài hình phạt tử hình trong BLHS đã thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Nhà nước đối với người phạm tội; tuy nhiên tội phạm áp dụng hình phạt tử hình vẫn còn rộng, chưa đáp ứng các chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên hợp quốc về quyền chính trị và dân sự mà Việt Nam là thành viên, trong đó, khuyến cáo các quốc gia thành viên chỉ áp dụng hình phạt tử hình đối với các “tội ác nghiêm trọng”.

Bên cạnh đó, liên quan đến hình phạt tử hình, BLHS hiện hành chưa quy định về việc khi hết thời hiệu thi hành bản án tử hình thì người bị kết án được chuyển xuống tù chung thân, gây khó khăn trong một số trường hợp.

- Về hình phạt tiền:

+ Phạm vi các tội danh áp dụng hình phạt tiền trong BLHS hiện hành còn tương đối hẹp, chưa bao quát hết các trường hợp nên áp dụng hình phạt tiền trong thực tiễn như đối với người phạm tội rất nghiêm trọng thuộc nhóm các tội phạm về chức vụ để thể chế hóa quan điểm của Đảng về tăng cường hình phạt tiền, nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản bị thiệt hại do tội phạm gây ra theo tinh của Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp, đồng thời phù hợp với quan điểm về phòng, chống tham nhũng được nêu tại các văn kiện của Đại hội Đảng lần thứ XIII và XIV.

+ Mức phạt tiền tối thiểu tại Điều 35 (đối với cá nhân) và Điều 77 (Đối với

pháp nhân thương mại) là tương đối thấp, chưa phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội, chưa tính đến sự thay đổi của mức lương cơ sở và thu nhập bình quân đầu người của người dân ở thời điểm hiện tại so với thời điểm năm 2009 và năm 2015; bên cạnh đó, chưa đáp ứng được khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF) và Nhóm châu Á- Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG) về hình phạt tiền đối với pháp nhân thương mại¹⁸.

+ Mức hình phạt tiền của một số tội danh chưa thực sự phù hợp: mức phạt tiền ở một số nhóm tội có tính chất thu lợi nhuận bất chính như: Các tội trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại; các tội trong lĩnh vực thuế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm và các tội khác xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông còn thấp chưa phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội của đất nước. Thực tiễn cho thấy, các đối tượng phạm tội nêu trên đều thu lợi bất chính rất lớn, có những vụ án lên đến hàng nghìn tỷ đồng, do đó, cần thiết phải nâng mức phạt tiền để bảo đảm tính răn đe và nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản bị tội phạm xâm hại.

+ Hiện nay, BLHS năm 2015 xác định phạt tiền là một trong các hình phạt chính; đồng thời, Điều 35 cho phép áp dụng phạt tiền là hình phạt chính đối với một số trường hợp người phạm tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng và cả một số trường hợp rất nghiêm trọng trong các nhóm tội nhất định do Bộ luật quy định. Tuy nhiên, về mặt kỹ thuật lập pháp, Bộ luật chủ yếu thiết kế theo hướng “có thể phạt tiền” hoặc “phạt tiền hoặc phạt tù”, chứ chưa hình thành một nguyên tắc khái quát theo hướng: trong một số trường hợp luật định, Tòa án chỉ quyết định hình phạt tiền thay vì hình phạt tù. Trong khi đó, Điều 38 khoản 2 mới chỉ ghi nhận một ngoại lệ khá hẹp là không áp dụng tù có thời hạn đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý và có nơi cư trú rõ ràng. Việc thiếu quy định trên dẫn đến một số bất cập như sau:

Thứ nhất, thiếu một cơ sở pháp lý đủ mạnh để hạn chế hình phạt tù ngắn hạn. Dù Điều 32 đã ghi nhận phạt tiền là hình phạt chính, nhưng nếu điều luật cụ thể vẫn để mở giữa tiền và tù, Tòa án trên thực tế vẫn có xu hướng lựa chọn tù trong không ít trường hợp nhằm bảo đảm tính nghiêm khắc. Hệ quả là định hướng “giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, cải tạo không giam giữ” đã được nêu trong các tài liệu chính sách và truyền thông chính thức về hoàn thiện pháp luật hình sự chưa được thể hiện đầy đủ bằng một quy tắc bắt buộc ngay trong phần chung của Bộ luật.

Thứ hai, làm giảm tính thống nhất trong quyết định hình phạt. Khi pháp luật không quy định rõ các trường hợp bắt buộc ưu tiên phạt tiền, việc lựa chọn giữa tiền và tù phụ thuộc nhiều vào đánh giá của từng Hội đồng xét xử. Với cùng tính chất vụ án, cùng mức độ nguy hiểm cho xã hội và cùng điều kiện nhân thân, khả năng xuất hiện chênh lệch trong áp dụng hình phạt giữa các địa phương hoặc giữa các cấp xét xử là lớn hơn. Đây là bất cập về dự báo pháp lý và về bảo đảm công bằng trong lượng hình. Việc Bộ luật hiện chỉ có một trường hợp “không áp dụng tù” rất hẹp ở Điều 38 khoản 2 càng cho thấy khoảng trống này.

¹⁸ Cho rằng hình phạt tiền đối với pháp nhân thương mại còn thấp, chưa đủ sức răn đe, khuyến nghị phải nâng mức phạt tối thiểu.

Thứ ba, chưa khai thác đầy đủ chức năng khắc phục hậu quả, bồi hoàn và thu hồi lợi ích bất hợp pháp của hình phạt tiền. Đối với nhiều nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường, trật tự công cộng hoặc các hành vi vụ lợi, phạt tiền trong nhiều trường hợp có thể tác động trực tiếp hơn vào động cơ kinh tế của người phạm tội. Điều 35 hiện đã thừa nhận khả năng áp dụng phạt tiền với cả một số trường hợp rất nghiêm trọng thuộc các lĩnh vực này, nhưng nếu không có cơ chế “chỉ phạt tiền” trong những trường hợp đủ điều kiện, thì việc ưu tiên tù giam vẫn có thể lấn át mục tiêu phục hồi tài sản và bù đắp thiệt hại.

Thứ tư, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu nhân đạo hóa và phân hóa trách nhiệm hình sự. Mục tiêu của hình phạt trong BLHS không chỉ là trừng trị mà còn là giáo dục, phòng ngừa; đồng thời, định hướng cải cách tư pháp nhiều năm qua đều nhấn mạnh giảm tù, mở rộng chế tài không tước tự do. Nếu không bổ sung cơ chế bắt buộc lựa chọn phạt tiền trong một số trường hợp như người phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã khắc phục toàn bộ hậu quả, có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội, thì chính sách hình sự vẫn nghiêng nhiều về trừng phạt hơn là phục hồi và tái hòa nhập.

Thứ năm, làm tăng áp lực lên hệ thống giam giữ và thi hành án hình sự. Tù có thời hạn là hình phạt buộc người bị kết án phải chấp hành tại cơ sở giam giữ; do đó, bất kỳ phạm vi nào của hình phạt tù còn được giữ rộng không cần thiết đều kéo theo chi phí quản lý, tổ chức thi hành án và tái hòa nhập. Trong khi đó, người bị phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc án treo lại có các cơ chế thi hành, xóa án tích, thời hiệu thi hành bản án khác theo hướng nhẹ hơn. Điều này cho thấy việc thiếu một “van pháp lý” để buộc ưu tiên phạt tiền trong một số trường hợp có thể làm giảm hiệu quả phân bổ nguồn lực tư pháp hình sự.

- Phạm vi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ còn hẹp dẫn đến hạn chế áp dụng trong một số trường hợp cụ thể trên thực tiễn như: người phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý nhưng đã khắc phục toàn bộ hậu quả, bồi thường toàn bộ thiệt hại và có đủ các điều kiện quy định khác. Chưa phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp “Coi trọng việc hoàn thành chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm”.

- Mức phạt tù ở một số loại tội danh có nhiều diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, tự do của con người; các tội về kinh doanh, thương mại, hàng giả, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, môi trường... còn thấp chưa tương xứng, chưa bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa tội phạm và bảo đảm tính công bằng trong chính sách hình sự. Có thể khái quát như sau:

Thực tiễn cho thấy, các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, tự do của con người không chỉ gây thiệt hại trực tiếp cho cá nhân bị hại mà còn gây bất ổn xã hội, làm suy giảm niềm tin của người dân vào khả năng bảo vệ của pháp luật. Đặc biệt, trong điều kiện mạng xã hội, công nghệ số, AI, deepfake phát triển, các hành vi làm nhục, vu khống, xâm phạm đời tư, danh dự, nhân phẩm có thể lan truyền với tốc độ rất nhanh, phạm vi rộng, hậu quả kéo dài, khó khắc phục,

nhưng chế tài tù ở một số tội vẫn còn thấp. Đối với các tội về kinh doanh, thương mại, hàng giả, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, môi trường, tính chất nguy hiểm không chỉ nằm ở thiệt hại tài sản mà còn ở nguy cơ xâm hại sức khỏe cộng đồng, phá vỡ trật tự quản lý kinh tế, làm méo mó môi trường cạnh tranh, suy giảm niềm tin thị trường, ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh kinh tế, an ninh y tế, an ninh môi trường. Số liệu năm 2025 cho thấy toàn quốc vẫn xảy ra 48.011 vụ phạm tội về trật tự xã hội, 3.739 vụ phạm tội về trật tự quản lý kinh tế, 488 vụ phạm tội về môi trường, an toàn thực phẩm và 25.753 vụ phạm tội về ma túy.

Qua rà soát, đánh giá thấy rằng, mức hình phạt tù hiện hành ở một số tội danh còn thấp, chưa tương xứng với hậu quả và diễn biến mới của tội phạm, một số tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự, tự do của con người có mức khởi điểm hình phạt tù rất thấp hoặc cấu thành cơ bản chưa đặt hình phạt tù là chế tài bắt buộc. Ví dụ, tội làm nhục người khác tại Điều 155 có cấu thành cơ bản chỉ phạt cảnh cáo, phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ; khung tăng nặng đầu tiên mới có mức phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. Tội vu khống tại Điều 156 có mức phạt tù ở cấu thành cơ bản từ 03 tháng đến 01 năm. Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật tại Điều 157 có khung cơ bản từ 06 tháng đến 03 năm tù. Trong khi đó, trên thực tế, hành vi làm nhục, vu khống, xâm phạm danh dự, nhân phẩm hiện nay có thể được thực hiện trên không gian mạng, có tổ chức, có chủ đích hạ uy tín, xúc phạm nhân phẩm, gây tổn thương tâm lý nghiêm trọng, thậm chí làm nạn nhân tự sát, mất việc làm, mất cơ hội hoặc bị kỳ thị kéo dài. Do đó, mức phạt tù khởi điểm thấp ở các tội này có thể chưa đủ sức răn đe, nhất là đối với trường hợp sử dụng mạng xã hội, nền tảng số, công nghệ deepfake, tài khoản ẩn danh để xâm hại danh dự, nhân phẩm của nhiều người. Đối với nhóm tội sản xuất, buôn bán hàng giả, mức hình phạt tù ở một số điều cũng cần tiếp tục rà soát. Điều 192 về tội sản xuất, buôn bán hàng giả có khung cơ bản từ 01 năm đến 05 năm tù; Điều 195 về hàng giả là thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi cũng có khung cơ bản từ 01 năm đến 05 năm tù; Điều 193 về hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm có khung cơ bản từ 02 năm đến 05 năm tù; Điều 194 về hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh có khung cơ bản từ 02 năm đến 07 năm tù. Về môi trường, Điều 235 hiện quy định tội gây ô nhiễm môi trường có khung cơ bản phạt tiền hoặc phạt tù từ 02 năm đến 03 năm; khung tăng nặng cao nhất đối với cá nhân là từ 05 năm đến 07 năm tù. Trong bối cảnh ô nhiễm môi trường, xả thải trái phép, chôn lấp chất thải nguy hại, vi phạm về an toàn thực phẩm, thuốc chữa bệnh có thể gây hậu quả lâu dài, ảnh hưởng sức khỏe cộng đồng, làm suy giảm tài nguyên, gây thiệt hại lớn cho xã hội, mức hình phạt tù này cần được tiếp tục đánh giá về tính tương xứng.

Bên cạnh đó, mức hình phạt tù ở một số tội danh chưa tương thích với các tội danh khác có cùng tính chất, cùng hậu quả hoặc cùng mức độ xâm hại, cụ thể như: Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ tại Điều 260 có khung cơ bản từ 01 năm đến 05 năm tù khi làm chết người; trong khi một số hành vi trong lĩnh vực thực phẩm, môi trường, sản xuất, kinh doanh có khả năng gây nguy hại cho số đông, nhưng mức khởi điểm hoặc mức tối đa ở một số khung vẫn chưa phản ánh đầy đủ tính chất “nguy cơ cộng đồng”. Đối với nhóm tội kinh tế - thương mại, cũng có sự chênh lệch đáng chú ý. Tội buôn lậu tại Điều 188 có khung cơ bản từ 06 tháng

đến 03 năm tù và khung cao nhất từ 12 năm đến 20 năm tù nếu vật phạm pháp hoặc thu lợi bất chính từ 01 tỷ đồng trở lên. Trong khi đó, một số tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả, quyền liên quan tuy có thể gây thiệt hại lớn, ảnh hưởng môi trường kinh doanh và niềm tin thị trường, nhưng khung tù đối với cá nhân ở mức cao nhất mới từ 06 tháng đến 03 năm tù. Đối với tội trốn thuế, Điều 200 quy định cấu thành cơ bản có thể bị phạt tiền hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm; trường hợp trốn thuế từ 01 tỷ đồng trở lên thì phạt tiền hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm. Mức này cần tiếp tục rà soát trong tương quan với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế khác, nhất là khi hành vi trốn thuế có tổ chức, sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp, thương mại điện tử, giao dịch xuyên biên giới, tài sản số hoặc mô hình kinh doanh mới có thể gây thất thu ngân sách lớn, làm méo mó cạnh tranh và ảnh hưởng an ninh tài chính quốc gia.

- BLHS hiện hành chưa có quy định về hình phạt “Lao động công ích”. Theo nghiên cứu, đây là một hình phạt tương đối phổ biến trong pháp luật hình sự của các nước trên thế giới như: Mỹ, Nga, các nước EU... Việc áp dụng hình phạt này giúp đa dạng hình phạt trong hệ thống hình phạt của BLHS; có ý nghĩa giáo dục, phục hồi và phòng ngừa tái phạm; khắc phục hạn chế của hình phạt tiền; giúp giảm áp lực cho hệ thống giam giữ và chi phí xã hội của việc chấp hành án tù...

- BLHS hiện hành chưa có quy định về biện pháp giám sát điện tử đối với những người bị áp dụng hình phạt ngoài tù hoặc các biện pháp tư pháp ở cộng đồng. Việc thiêu quy định về áp dụng biện pháp giám sát điện tử sẽ làm giảm hiệu quả kiểm soát việc chấp hành nghĩa vụ của người chấp hành án tại cộng đồng; không bảo đảm hiệu quả công tác quản lý nhà nước, phòng ngừa vi phạm và tái phạm; đồng thời, nếu bổ sung biện pháp giám sát điện tử, có thể tạo thuận lợi cho việc cơ quan có thẩm quyền áp dụng các hình phạt ngoài cộng đồng.

- Căn cứ để quyết định hình phạt theo quy định hiện hành là chưa thực sự chặt chẽ và bao quát, các tình tiết dùng làm căn cứ quyết định hình phạt còn chung chung, chưa bảo đảm tính phân hóa tội phạm, chưa thể hiện tinh thần nhân đạo, khoan hồng trong quyết định hình phạt đối với các trường hợp người phạm tội đã ăn năn hối cải, khắc phục phục toàn bộ hậu quả và bồi thường toàn bộ thiệt hại đã gây ra.

d) Các quy định về tình tiết định tội, định khung hình phạt chưa thống nhất, khó áp dụng

- Hiện nay, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành các điều, khoản, điểm của BLHS là tương đối đa dạng, đặc biệt là hệ thống các nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trong đó, nhiều quy định hướng dẫn tại các nghị quyết đã được áp dụng lâu dài, có tính ổn định và phù hợp với thực tiễn, tuy nhiên, các quy định này vẫn nằm ở các văn bản dưới luật. Để bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013, cần thiết phải rà soát, nghiên cứu đưa các quy định này vào BLHS.

- Kết quả tổng kết cho thấy, BLHS hiện hành còn nhiều tình tiết định tính, khó áp dụng, gây nhiều cách hiểu khác nhau của các cá nhân, cơ quan có thẩm quyền. Mặc dù đã có nhiều văn bản dưới luật hướng dẫn thi hành, tuy nhiên, vẫn còn nhiều tình tiết định tính trong BLHS vẫn chưa rõ ràng, dễ dẫn đến tùy nghi và

tiêu cực trong áp dụng, ví dụ nh BLHS ư: tình tiết “gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự”; tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng”...

- Hiện nay, BLHS có 85 tội danh có quy định dấu hiệu “*đã bị xử phạt vi phạm hành chính*”; 65 tội danh quy định dấu hiệu “*đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*” và 29 tội danh quy định dấu hiệu “*đã bị xử lý kỷ luật*”, qua tổng kết thấy rằng, phạm vi như trên chưa thực sự phù hợp, nhiều tội danh có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, có thể khắc phục được bằng các biện pháp dân sự, hành chính hoặc xử lý kỷ luật thì không nên quy định các tình tiết này là tình tiết định tội nhằm hướng đến mục tiêu không hình sự hóa các hành vi có tính nguy hiểm không đáng kể; trong khi đó, một số tội danh cần phải quy định tình tiết này làm tình tiết định tội thì lại chưa có quy định dẫn đến làm giảm hiệu quả phòng ngừa tội phạm. Do đó, cần thiết phải rà soát và quy định lại cho phù hợp; bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân, thể hiện tốt hơn chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước.

- Mức định lượng làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự là tiền ở một số tội danh như các tội quy định tại Chương XVI (Các tội xâm phạm sở hữu) và Chương XXIII (Các tội phạm về chức vụ) và một số các tội phạm khác như Tội đánh bạc, Tội tổ chức đánh bạc là quá thấp, dễ dẫn đến hình sự hóa các hành vi có tính nguy hiểm không đáng kể; trong khi đó, mức định lượng làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự ở các tội danh về môi trường, bảo vệ động vật hoang dã lại quá cao, dễ dẫn đến bỏ lọt tội phạm, chưa phù hợp với quan điểm của Đảng về không đánh đổi kinh tế với môi trường.

- Cách tính mức định lượng về tỷ lệ tổn thương cơ thể làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định tập trung tại Chương XIV - Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người và Chương XXI - Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng giữa nhiều tội danh trong BLHS chưa đảm bảo sự phù hợp, thống nhất và công bằng. Đối với nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người khác thì tỷ lệ tổn thương cơ thể làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự được tính ở mỗi người bị hại đối với cả tội có lỗi cố ý tại các điều 134, 135, 136... (là 11% trở lên) và các tội có lỗi vô ý tại các điều 138 và 139 (là 31% trở lên). Tuy nhiên, đối với nhóm các tội xâm phạm an toàn giao thông, đều là nhóm tội có lỗi vô ý tại các điều 260, 261, 262, 263, 264... thì tỷ lệ tổn thương cơ thể làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự lại tính trên tổng số người bị hại mà không phải mỗi người bị hại (kể cả những người có tỷ lệ tổn thương cơ thể 01% hoặc 02% vẫn cộng dồn để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự). Trong khi đó, nhóm các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm con người thì tính mạng, sức khỏe của con người là khách thể trực tiếp bị xâm hại, còn với nhóm các tội xâm phạm an toàn giao thông thì tính mạng, sức khỏe con người chỉ là khách thể gián tiếp bị xâm hại.

đ) Một số tội danh mới, các hành vi mới chưa được quy định trong BLHS nên chưa bảo đảm tính bao quát, toàn diện, chưa kịp thời thể chế hoá các quan điểm của Đảng về xây dựng, phát triển đất nước và phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, chưa nội luật hoá các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, chưa giải quyết được những vấn đề vướng mắc, bất cập mà thực tiễn công tác phòng, chống tội phạm đặt ra

Hiện nay, BLHS chưa có quy định để điều chỉnh đối với một số hành vi hoặc vấn đề hình sự nảy sinh trong thực tiễn hoặc thực tiễn yêu cầu: Qua rà soát thấy rằng, hiện nay, BLHS chưa có các quy định để thể chế hóa các quan điểm của Đảng về xây dựng, bảo vệ đất nước và phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; chưa nội luật hóa các điều ước quốc tế, khuyến nghị của các tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên; chưa theo kịp thực tiễn tình hình tội phạm có nhiều diễn biến mới, nhiều loại hành vi mới. Cụ thể như:

- Điều 117 (tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) chỉ quy định về hành vi làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà chưa quy định về hành vi tuyên truyền chống Đảng Cộng sản Việt Nam. Có thể vận dụng quy định tại điều luật này để đấu tranh, xử lý đối với những hành vi dạng này hay không hiện nay vẫn chưa có sự thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Bên cạnh đó, việc thiếu quy định để điều chỉnh với hành vi chống Đảng Cộng sản Việt Nam là chưa phù hợp với vị trí, vai trò và tầm quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong hệ thống chính trị, là chủ thể đặc biệt quan trọng cần phải bảo vệ.

- Tại Điều 150 (Tội mua bán người) và Điều 151 (Tội mua bán người dưới 16 tuổi) quy định chưa bao quát hết các hành vi mua bán người được quy định tại Luật Phòng, chống mua bán người năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và chưa thể hiện đầy đủ các hành vi mua bán người được quy định trong Nghị định thư về ngăn ngừa, phòng, chống và trừng trị việc buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em bổ sung cho Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia, do đó, để bảo đảm tính bao quát, cần thiết quy định theo hướng khái quát, các hành vi cụ thể sẽ căn cứ vào luật chuyên ngành.

- Tổng kết thực tiễn cho thấy, có tình trạng một số đối tượng mua bán “bào thai”, tức là đối tượng mua bán và trao đổi ngay từ khi đứa trẻ đang được mang thai. Nếu áp dụng quy định tại Điều 150 (Tội mua bán người) và Điều 151 (Tội mua bán người dưới 16 tuổi) để xử lý các đối tượng này thì không hợp lý, bởi lẽ theo pháp luật hình sự và pháp luật liên quan thì chỉ được coi là con người và có quyền công dân khi mà đứa trẻ được sinh ra; đồng thời, nếu áp dụng Điều 154 (Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người) để xử lý đối tượng này cũng không phù hợp vì bào thai không phải là mô, cũng không phải là bộ phận cơ thể người. Do đó, cần phải bổ sung cơ sở pháp lý để xử lý hành vi này, tránh bỏ lọt tội phạm, bảo đảm cơ sở pháp lý để bảo vệ quyền con người.

- Việc quy định hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả là chất hỗ trợ chế biến thực phẩm và dụng cụ bao gói, chứa đựng thực phẩm như hiện tại chưa điều chỉnh được hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả là chất hỗ trợ chế biến thực phẩm và dụng cụ bao gói, chứa đựng thực phẩm, chưa đảm bảo cơ sở pháp lý để phòng ngừa và đấu tranh với loại hành vi này, trong khi đó, tình trạng sản xuất, buôn bán chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, bao bì giả đang diễn ra phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ gây hại rất cao đối với sức khỏe con người.

- Hiện nay, việc xử lý hình sự đối với hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả và hàng kém chất lượng đang chưa có sự tách biệt rõ ràng; thực tế cho thấy, mức độ

nguy hiểm của hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả và hành vi sản xuất, buôn bán hàng kém chất lượng là hoàn toàn khác nhau, do vậy, nếu áp dụng cùng một điều luật để xử lý đồng thời các hành vi là chưa phân hóa được tội phạm, chưa thực sự bảo đảm tính công bằng của pháp luật hình sự.

- Khoản 2 Điều 18.78 Hiệp định CPTPP yêu cầu các quốc gia thành viên phải xử lý hình sự và áp dụng hình phạt đối với hành vi chiếm đoạt một cách cố ý và trái phép bí mật thương mại. Qua rà soát quy định của BLHS thì thấy rằng chưa có quy định xử lý hình sự đối với hành vi chiếm đoạt một cách cố ý và trái phép bí mật thương mại; hiện nay để xử lý hành vi này chỉ có thể vận dụng một số quy định của BLHS để xử lý, đặc biệt là quy định tại Điều 288 BLHS về tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông để xử lý. Tuy nhiên, việc vận dụng quy định này có phần khiên cưỡng và chưa đáp ứng đúng bản chất của hành vi cũng như yêu cầu của Hiệp định mặc dù Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 08/2021/NQ-UBTVQH15 ngày 26/11/2021, giải thích khoản 1 Điều 289 của BLHS để xử lý hành vi vi phạm bí mật thương mại.

- Hiện nay, BLHS chưa có tội danh độc lập, trực tiếp về hành vi vi phạm quy định về định giá, kiểm toán, kiểm định, giám định gây hậu quả nghiêm trọng. Quá trình điều tra các vụ án tham nhũng, kinh tế, khi phát hiện hành vi phạm tội của các chủ thể thẩm định giá, kiểm toán, kiểm định, giám định thì phải khởi tố các đối tượng này về một tội danh khác (như tội vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng; tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí...) với vai trò là đồng phạm, giúp sức cho các đối tượng chủ mưu, cầm đầu. Về bản chất, người đứng đầu và các cá nhân thuộc cơ quan, doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ thẩm định giá, kiểm toán, kiểm định, giám định trái pháp luật nhưng lại chỉ bị xử lý vai trò giúp sức trong các tội danh khác là không phù hợp, chưa bảo đảm tính công bằng, làm giảm tính răn đe, phòng ngừa đối với hành vi.

- Hiện nay, Điều 206 (Tội vi phạm quy định về hoạt động ngân hàng, hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng) chưa quy định đầy đủ phạm vi trong hoạt động ngân hàng mà chỉ quy định một số hành vi cơ bản trong cấp tín dụng, cho vay. Trong khi ngân hàng có nhiều hoạt động khác như bảo lãnh tín dụng, quản lý tài sản bảo đảm, quản lý khoản vay sau giải ngân... Các hoạt động này nếu có vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng thì không có cơ sở pháp lý để xử lý hình sự.

- Một số hành vi vi phạm Luật Bảo hiểm xã hội có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng nhưng chưa được quy định thành các tội phạm trong nhóm các tội phạm trong lĩnh vực bảo hiểm, cụ thể là: Hành vi vi phạm pháp luật của các cơ quan bảo hiểm sử dụng trái pháp luật đối với quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp gây hậu quả nhất định.

- Hiện nay, trong các hành vi của tội gây ô nhiễm môi trường và tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại chưa có quy định về hành vi đốt chất thải, nhất là đối với các chất thải nguy hại. Bên cạnh đó, hiện cũng chưa có quy định về hành vi gây ra trái phép tiếng ồn, độ rung và mùi vượt tiêu chuẩn nên chưa có cơ chế xử lý hình sự đối với người thực hiện các hành vi này.

- Hiện nay, BLHS hiện hành chưa có quy định để xử lý hình sự đối với các hành vi sử dụng các loại hóa chất, phương tiện, công cụ đánh bắt động vật có tính chất tàn diệt như: dùng kích điện, dùng sóng cao tần, dùng hóa chất độc hại... Việc

xác định giá trị gây thiệt hại trong các trường hợp trên để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự là rất khó, trong nhiều trường hợp là không thể. Tuy nhiên, mức độ nguy hiểm của hành vi nêu trên là rất lớn, gây tận diệt sinh vật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự đa dạng sinh học. Thực tiễn cho thấy, việc đánh bắt tận diệt đã và đang biến các con sông thành “sông chết”, do đó, cần phải có chế tài nghiêm khắc hơn để xử lý, thay vì chỉ xử lý hành chính như hiện nay.

- Điều 302 chỉ quy định về hành vi cướp trên biển, chưa có quy định về hành vi cướp có vũ trang chống lại tàu thuyền trên vùng biển thuộc thẩm quyền tài phán của một quốc gia. Trong khi đó, hành vi cướp có vũ trang chống lại tàu thuyền trên biển theo quy định của Hiệp định hợp tác khu vực về chống cướp biển và cướp có vũ trang chống lại tàu thuyền tại Châu Á mà Việt Nam là thành viên có quy định các hành vi, mục đích của cướp có vũ trang chống lại tàu thuyền trên biển là tương đối đặc thù, khác với hành vi cướp tài sản đơn thuần, cụ thể như sau: “Cướp có vũ trang chống lại tàu thuyền nghĩa là một trong các hành vi sau đây: a) bất kỳ hành vi bạo lực hoặc bắt giữ trái phép hoặc bất kỳ hành vi cướp phá nào được thực hiện vì mục đích cá nhân và nhằm chống lại tàu hoặc người hoặc tài sản trên tàu đó tại một địa điểm mà một bên có quyền tài phán đối với hành vi đó; b) bất kỳ hành vi nào có tính chất tự nguyện tham gia vào việc điều khiển tàu và nhận thức rằng việc này sẽ khiến chiếc tàu đó trở thành tàu cướp có vũ trang chống lại tàu khác; c) bất kỳ hành vi nào xúi dục hoặc cố ý tạo thuận lợi cho các hành vi được nêu tại điểm a và điểm b.

- Hiện nay, Việt Nam là thành viên của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF) và Nhóm châu Á- Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG). Từ năm 2023, Việt Nam bị các tổ chức này đưa vào Danh sách giám sát tăng cường (danh sách xám), việc bị đưa vào danh sách xám đã và đang khiến Việt Nam gặp những bất lợi lớn trong các hoạt động kinh tế, thương mại và hợp tác quốc tế như: ảnh hưởng đến dòng vốn FDI; hạn chế nguồn cho vay ưu đãi; tăng mức lãi suất ở các khoản vay; hệ thống tài chính, ngân hàng bị ảnh hưởng uy tín và mức độ đánh giá... Nếu thời gian tới, chúng ta không nỗ lực giải quyết các thiếu hụt về tuân thủ kỹ thuật trong tội rửa tiền của Việt Nam đối với Khuyến nghị số 3 thuộc bộ chuẩn mực của FATF thì rất có thể các biện pháp tiêu cực về kinh tế, thương mại và đối ngoại đối với Việt Nam sẽ được tăng cường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đà tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là với tham vọng tăng trưởng “hai chữ số” được Đảng và Nhà nước đề ra trong những năm tiếp theo. Theo đó, các khuyến nghị này bao gồm:

+ Điều 299 (Tội khủng bố) chưa liệt kê đầy đủ tất cả các hành vi của Công ước quốc tế về trừng trị hành vi tài trợ khủng bố. Chưa đáp ứng Tiêu chí 5.1, Mục 79, 82 Báo cáo đánh giá đa phương tháng 01/2022 của APG.

+ Tại Điều 300 (Tội tài trợ khủng bố):

Thứ nhất, Tội danh tài trợ khủng bố được hình sự hóa tại Điều 300 BLHS năm 2015, tuy nhiên, Điều này chỉ hình sự hóa việc huy động và cung cấp tiền hoặc tài sản cho các tổ chức khủng bố hoặc cá nhân khủng bố mà chưa rõ có bao gồm tất cả các hành vi cấu thành tội phạm trong các điều ước được liệt kê trong phụ lục của Công ước quốc tế về trừng trị hành vi tài trợ khủng bố năm 1999 hay chưa (Tiêu chí 5.1, mục 79, 82 Báo cáo đánh giá đa phương tháng 01/2022). Hơn nữa, vì các hành

vi tài trợ khủng bố bị hình sự hóa như là hành vi chuẩn bị cho khủng bố nên có sự hoài nghi rằng liệu các khía cạnh cụ thể của Điều 2 của Công ước tài trợ khủng bố có được bao gồm hay chưa, nghĩa là hành vi tài trợ trực tiếp hoặc gián tiếp; các sự nhận thức cần thiết hoặc cố tình; tài trợ toàn phần hay một phần... Không nhất thiết là các khoản tiền đó phải thực sự được sử dụng để thực hiện một vụ tấn công khủng bố để cấu thành hành vi chuẩn bị cho tài trợ khủng bố (Điều 300).

Thứ hai, Việc sửa đổi nhằm đảm bảo hành vi tài trợ khủng bố cần được mở rộng đến bất kỳ tổ chức, cá nhân nào cố ý cung cấp tiền, tài sản bằng bất kỳ phương thức nào, trực tiếp hoặc gián tiếp với mục đích bất hợp pháp để sử dụng hoặc biết rằng sẽ được sử dụng, toàn bộ hoặc một phần (a) để thực hiện một hoặc nhiều hành vi khủng bố hoặc (b) bởi một tổ chức khủng bố hoặc cá nhân khủng bố...

Thứ ba, BLHS năm 2015 không hình sự hóa cụ thể hành vi tài trợ cho việc đi lại của các cá nhân đến một quốc gia khác ngoài quốc gia cá nhân đó cư trú hoặc có quốc tịch nhằm mục đích thực hiện, lập kế hoạch, hoặc chuẩn bị, hoặc tham gia vào các hành vi khủng bố hoặc tiến hành cung cấp hoặc nhận đào tạo khủng bố. Vì thuật ngữ khủng bố không được định nghĩa trong luật pháp Việt Nam, nên không rõ liệu hành vi phạm tội chung về tài trợ khủng bố (Điều 300) có được mở rộng bao gồm cho cả những cá nhân này hay không (Tiêu chí 5.2, mục 86 Báo cáo đánh giá đa phương tháng 01/2022);

Thứ tư, các hành vi phạm tội tài trợ khủng bố được phải được áp dụng, bất kể người bị cáo buộc đã phạm tội có ở cùng quốc gia hay khác với quốc gia nơi có tổ chức khủng bố/khủng bố, hoặc nơi hành vi khủng bố đã xảy ra/sẽ xảy ra (Tiêu chí 5.10).

+ Đối với hành vi phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và hành vi tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, Khuyến nghị số 7 được đánh giá là không tuân thủ, cụ thể như sau:

Thứ nhất, khung pháp lý về các biện pháp xử phạt tài chính mục tiêu liên quan đến TTPBVKHDHL không được thực hiện đầy đủ khi kết thúc đánh giá tại chỗ (Tiêu chí 7.1.).

Thứ hai, các nghĩa vụ đóng băng không có hiệu lực thi hành (Tiêu chí 7.2).

Thứ ba, không có lệnh cấm có hiệu lực thi hành nào được áp dụng trực tiếp cho các cá nhân hoặc tổ chức (Tiêu chí 7.2)

Thứ tư, các nghĩa vụ báo cáo không có hiệu lực thi hành (Tiêu chí 7.2).

Thứ năm, cơ chế thông báo chỉ định và hủy danh sách chỉ định chưa được thiết lập (Tiêu chí 7.2 và Tiêu chí 7.4).

Thứ sáu, không có hướng dẫn về đóng băng /bãi bỏ việc đóng băng (Tiêu chí 7.2 và Tiêu chí 7.4).

Thứ bảy, không bị phạt dân sự, hành chính hoặc hình sự nếu không tuân thủ các nghĩa vụ về các biện pháp về xử phạt tài chính mục tiêu liên quan đến tài trợ PBVKHDHL (Tiêu chí 7.3).

Thứ tám, không có quy trình công khai nào đối với các yêu cầu đưa ra khỏi danh sách chỉ định hoặc các cảnh báo giả (Tiêu chí 7.4).

Do đó, cần thiết phải nghiên cứu để hình sự hóa hành vi phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và hành vi tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

- Tiền chất thuốc nổ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ là hóa chất nguy hiểm, trực tiếp dùng để sản xuất thuốc nổ. Thời gian qua, tình trạng mua bán, vận chuyển tiền chất thuốc nổ để phục vụ cho việc sản xuất thuốc nổ diễn ra phức tạp nhưng khó khăn trong xử lý do BLHS chưa quy định đối với hành vi này.

- Hiện nay, Điều 413 quy định về Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng vũ khí quân dụng, trang bị kỹ thuật quân sự, tuy nhiên, điều này thuộc Chương XXV nên chủ thể phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Điều 392 BLHS là chủ thể đặc biệt. Như vậy, đối với một chủ thể thường khi thực hiện hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng vũ khí quân dụng, trang bị kỹ thuật quân sự mà nếu không có mục đích nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 114) và vũ khí, trang bị đó không phải là công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia theo quy định của Điều 303 thì không có cơ sở pháp lý để xử lý hình sự.

- BLHS hiện hành chưa đáp ứng yêu cầu của chuẩn mực quốc tế như hành vi vi phạm khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài: theo khuyến nghị của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp (IUU) thì Việt Nam cần quy định chế tài xử lý đối với hành vi khai thác thủy sản bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài. Tuy nhiên, hiện nay BLHS chưa quy định việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi này. Thực tiễn, việc xử lý hình sự đối với hành vi này được thực hiện thông qua các tội danh có liên quan như các tội về xuất nhập cảnh, các tội về vi phạm bảo vệ động vật, các tội về giấy tờ giả. Tuy nhiên, việc xử lý như trên là chưa đúng với bản chất của hành vi, chưa bảo đảm nguyên tắc xử lý đúng người, đúng tội.

- Hiện nay, Bộ Công an đã có Tờ trình Chính phủ về việc gia nhập Nghị định thư về chống người di cư trái phép bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không, bổ sung Công ước TOC và hiện vẫn đang tiếp tục nghiên cứu; đồng thời, Việt Nam cũng đã ký nhiều điều ước song phương với các quốc gia khác về chống tội phạm người di cư trái phép. Tuy nhiên, hiện nay, BLHS tại các điều luật về các tội phạm về xuất nhập cảnh chưa quy định về hành vi “đưa người di cư trái phép”.

- Dấu hiệu “*chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói, giảm nghèo; tiền, phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng*” quy định tại điểm đ khoản 2, Điều 353 (Tội tham ô tài sản) của BLHS được thiết kế theo hướng liệt kê cụ thể các trường hợp, trong đó có trường hợp chiếm đoạt tiền, phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng. Tuy nhiên, quy định này chưa đầy đủ tất cả các trường hợp nên chưa bảo đảm sự công bằng cho các đối tượng. Trên thực tế có các đối tượng được hưởng chính sách xã hội khác cũng cần được bảo vệ khỏi sự xâm hại của các loại hành vi phạm tội này như: Người hưu trí; người bị tai nạn lao động; thân nhân của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được hưởng các chế độ ưu đãi (như: Con đẻ bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học không tự lực được trong sinh hoạt hoặc suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt được hưởng trợ cấp hàng tháng...; cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ đủ 06 tuổi đến dưới 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng; bị nhiễm chất độc hóa học suy

giảm khả năng lao động từ 61% trở lên được Nhà nước mua bảo hiểm y tế).

- BLHS năm 2015 đã mở rộng phạm vi chịu trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về chức vụ đối với cả khu vực tư nhân, trong đó, quy định đối với 03 tội danh về tham ô tài sản, nhận hối lộ, môi giới hối lộ. Tuy nhiên, phạm vi phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về chức vụ của khu vực ngoài Nhà nước còn hẹp, chưa phù hợp với thực tiễn, chưa góp phần phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm về chức vụ trong khu vực ngoài nhà nước, đặc biệt là các tội danh như: lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng...

- Hiện nay, tình trạng các chấp hành viên thi hành án dân sự thực hiện sai quy định hoặc thực hiện không đầy đủ quy định về thi hành án dân sự gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân nhưng chưa có chế tài xử lý hình sự, gây bức xúc cho quần chúng nhân dân, xâm phạm đến an ninh, trật tự.

- Điều 382 (Tội cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc khai báo gian dối) và Điều 383 (Tội từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu) chỉ quy định trách nhiệm hình sự đối với các hành vi từ chối khai báo, cung cấp tài liệu hoặc khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật, tuy nhiên, đối với các hành vi cố tình chậm cung cấp thông tin, tài liệu và hành vi cố tình cung cấp thông tin, tài liệu không đúng theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng đã và đang gây rất nhiều khó khăn trong hoạt động tố tụng hình sự.

- Hiện nay, BLHS còn thiếu một số quy định để đảm bảo cơ sở pháp lý cho công tác phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông, cụ thể là:

+ Thiếu quy định về tội phạm mạng, quy định về hành vi gián điệp mạng, chiến tranh mạng, khủng bố mạng, xâm phạm, phá hủy hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia... mặc dù trong thời gian qua, các hành vi này đang diễn ra tương đối phức tạp trên không gian mạng;

+ Thiếu quy định về hành vi lạm dụng tình dục trẻ em (quay các bộ phận nhạy cảm, chat sex...) nên thiếu cơ sở pháp lý để trong đấu tranh, xử lý với hành vi này;

+ Điều 291 chỉ mới quy định về các hành vi liên quan đến tài khoản ngân hàng, trong khi đó, trên thực tế hiện nay có rất nhiều các loại tài khoản có giá trị khác nhau như: Tài khoản game, tài khoản mạng xã hội, tài khoản chứng khoán... do đó sẽ gặp khó khăn khi áp dụng điều luật mà không có quy định về các loại tài khoản đó.

+ Một số hành vi chưa được mô tả đầy đủ trong cấu thành, không bao quát thực tiễn mới. Đối với tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm trên không gian mạng, tội phạm tài chính – chứng khoán..., cấu thành tội phạm còn lạc hậu, thiếu mô tả các hành vi mới xuất hiện: Hành vi “lừa đảo qua sàn giao dịch ảo”, “thao túng dữ liệu mạng xã hội để trục lợi”, “phát tán deepfake”, “rửa tiền bằng tiền điện tử” chưa được đề cập cụ thể. Nhiều hành vi trong thực tế không đủ điều kiện áp vào các cấu thành hiện có, phải xử lý bằng các tội danh gián tiếp (như Điều 174 – lừa đảo chiếm đoạt tài sản), gây tranh cãi và dễ bỏ lọt hành vi nguy hiểm.

+ Một số hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện chưa được quy định là tội phạm như: hành vi liên quan đến hoạt động kinh doanh, giao dịch tiền ảo, tiền kỹ thuật số, tài sản ảo; hành vi thu thập, sử dụng, khai thác, chuyển nhượng, xử lý dữ liệu cá nhân trái quy định của pháp luật; hành vi lập trình và sử dụng phần mềm trí tuệ nhân tạo để thực hiện tội phạm,....

e) Các quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại còn nhiều bất cập

Phạm vi phải chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại chỉ là 33 tội, chủ yếu tập trung vào các nhóm tội về môi trường, kinh tế là chưa thực sự phù hợp với tình hình thực tiễn, qua tổng kết thấy rằng, các nhóm tội về thuế, lao động, tài chính, bảo hiểm, các tội về tài sản như cho vay lãi nặng, lừa đảo chiếm đoạt tài sản; các tội về sử dụng đất đai... cũng là các tội danh mà pháp nhân thương mại thường xuyên có các hành vi vi phạm, tuy nhiên BLHS hiện hành chưa quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại đối với các tội này.

g) Một số quy định trong BLHS còn chưa thống nhất với nhau và chưa thống nhất, chồng chéo, trùng lặp với pháp luật chuyên ngành có liên quan, pháp luật tư pháp hình sự; một số quy định chưa logic, chưa bảo đảm tính khoa học, còn lỗi về kỹ thuật trình bày

**** Một số quy định trong BLHS chưa thống nhất với nhau***

- Giữa tên và nội dung của điều luật là chưa thống nhất, nội dung của điều luật điều chỉnh đối với “hành vi gây ra thiệt hại trong khi thực hiện việc nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ **mới**...”.

- Tại khoản 2 Điều 18 và khoản 2 Điều 19 BLHS chưa có sự thống nhất về kỹ thuật trình bày đối với nội dung: Khoản 2 Điều 18 dùng cụm từ “các tội xâm phạm an ninh quốc gia”, nhưng khoản 2 Điều 19 lại dùng cụm từ “các tội quy định tại Chương XIII của Bộ luật này”, trong khi đó cả hai cụm từ này đều muốn đề cập đến các tội danh, điều luật quy định về các tội xâm phạm an ninh quốc gia tại Chương XIII của BLHS.

- Khoản 7 Điều 91 quy định “án đã tuyên đối với người **chưa đủ 16 tuổi** phạm tội, thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm”. Việc sử dụng thuật ngữ **chưa đủ 16 tuổi** là chưa có sự thống nhất, vì các khoản khác của điều luật và các điều luật khác đều dùng thuật ngữ: “Người dưới 16 tuổi (hoặc dưới 18 tuổi) phạm tội”.

Bên cạnh đó, hành vi phạm tội cùng được thực hiện với lỗi vô ý, tuy nhiên việc xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự lại khác nhau. Cụ thể, đối với nhóm tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (các điều 138, 139) thì tỷ lệ tổn thương cơ thể của một người làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự là từ 31% trở lên, tuy nhiên, với nhóm các tội xâm phạm an toàn giao thông (các điều 260 đến 264; 267 đến 278) thì tỷ lệ tổn thương cơ thể của một người làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự lại từ 61% trở lên.

- Chưa có quy định thống nhất về hành vi vận chuyển, tàng trữ trong các điều luật trong BLHS. Cụ thể là: tại Điều 250 quy định vận chuyển trái phép chất ma túy

không nhằm mục đích để sản xuất, mua bán, tàng trữ; đồng thời, Điều 249 quy định hành vi tàng trữ là không nhằm mục đích để sản xuất, mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, tại (Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm) lại không quy định cụ thể thế nào là tàng trữ hàng cấm, thế nào là vận chuyển hàng cấm, dẫn đến trong nhiều trường hợp không biết xử lý về hành vi tàng trữ hay hành vi vận chuyển.

- Theo quy định tại khoản 7 Điều 91 thì án đã tuyên đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vẫn xem xét để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Tuy nhiên, điểm b khoản 1 Điều 107 quy định về việc xóa án tích đối với người dưới 18 tuổi thì người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý thì được coi là không có án tích; Điều 53 quy định những trường hợp đã bị kết án xem xét xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm phải là những trường hợp chưa được xóa án tích. Như vậy, các điều luật trên có sự mâu thuẫn, dẫn đến lúng túng trong xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi đã bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý mà lại tiếp tục vi phạm.

- Các điều Các điều: 399, 401, 404, 405, 406 và 407 sử dụng thuật ngữ “bí mật công tác quân sự”, tuy nhiên, Điều 402 lại sử dụng thuật ngữ “bí mật quân sự”.

** Một số quy định của BLHS còn chưa thống nhất với quy định của các luật chuyên ngành (an ninh mạng, môi trường, tài chính, ngân hàng, dữ liệu, công nghiệp công nghệ số...) và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật tố tụng hình sự, cụ thể là:*

- Điều 29 quy định về người đại diện hợp pháp của bị hại, tuy nhiên, hiện nay, Bộ luật Dân sự chỉ quy định về người đại diện theo pháp luật của một cá nhân, do đó, chưa có sự thống nhất.

- Điều 151 đang quy định về độ tuổi của nạn nhân là người dưới 16 tuổi, tuy nhiên, quy định như trên là chưa phù hợp với quy định của Luật Phòng, chống mua bán người và quy định của Nghị định thư về ngăn ngừa, phòng, chống và trừng trị việc buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em bỏ sung cho Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, theo đó, độ tuổi của nạn nhân cần phải bảo vệ đối với hành vi mua bán người là người dưới 18 tuổi. Khuyến nghị về việc nâng độ tuổi của người là nạn nhân của hành vi mua bán người cũng là vấn đề mà Hoa Kỳ đã nhiều lần trao đổi với Việt Nam nhưng chúng ta chưa có điều chỉnh dẫn ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả đánh giá của bạn đối với nỗ lực phòng, chống mua bán người của Việt Nam.

- Điều 229 quy định về tội vi phạm quy định của pháp luật về quản lý đất đai, theo đó, người nào lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn **giao đất, thu hồi, cho thuê, cho phép chuyển quyền sử dụng, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất** trái quy định. Tuy nhiên, tại Điều 20 Luật Đất đai năm 2024, có đến 18 nội dung quản lý nhà nước về đất đai, bên cạnh các nội dung về giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất còn có các nội dung khác như giải quyết tranh chấp, khiếu nại; cung cấp dịch vụ công về đất đai; bồi thường, hỗ trợ tái định cư; quản lý tài chính về đất đai; quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất... Như vậy, rõ ràng là BLHS chưa điều chỉnh bao quát hết các

hành vi nguy hiểm cho xã hội trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, dẫn đến tình trạng có thể bỏ lọt tội phạm.

- Điểm b khoản 2 Điều 260 quy định: “Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ còn ***vượt quá mức quy định***”. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 9 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024 thì hành vi bị nghiêm cấm là “Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.”. Như vậy, giữa hai Luật chưa có sự thống nhất trong quy định.

- Điều 332 BLHS quy định về các hành vi cấu thành tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự bao gồm: (1) không chấp hành đúng quy định của pháp luật về đăng ký nghĩa vụ quân sự; (2) không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ; (3) không chấp hành lệnh gọi tập trung huấn luyện... Tuy nhiên, khoản 8 Điều 3 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 quy định: “Trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự là hành vi không chấp hành lệnh gọi đăng ký nghĩa vụ quân sự; ***lệnh gọi khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự; lệnh gọi nhập ngũ; lệnh gọi tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu***”. Như vậy, hành vi trốn tránh nghĩa vụ quân sự trong Điều 332 BLHS và Điều 3 Luật Nghĩa vụ quân sự là chưa thống nhất, các hành vi không chấp hành lệnh gọi khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự và hành vi không chấp hành lệnh gọi diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu.

- Luật Phòng, chống tham nhũng xác định hành vi “*đưa hối lộ*”, “*môi giới hối lộ*” là hành vi tham nhũng nhưng theo quy định của BLHS thì đó là tội phạm khác về chức vụ; Luật Phòng, chống tham nhũng xác định hành vi “*không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi*” là hành vi tham nhũng nhưng BLHS xác định hành vi “*thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” (có nội hàm tương tự) là tội phạm khác về chức vụ.

- Các điều 118, 119, 120, 121 Luật THADS quy định nếu người phải thi hành án đã bị cưỡng chế mà vẫn không chấp hành thì Chấp hành viên phạt tiền và ấn định thời gian thực hiện, nếu vẫn không thực hiện thì Chấp hành viên đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án theo Điều 380 BLHS. Do đó, theo Luật THADS thì một hành vi vi phạm pháp luật người phải thi hành án phải chịu hai hình thức xử lý đó là xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền và bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nhưng Điều 380 BLHS lại quy định người phải thi hành án có điều kiện mà không chấp hành bản án khi hội đủ 1 trong 2 điều kiện, đó là: Hoặc là “mặc dù đã bị áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật”; Hoặc là “đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm; tức là, trước đó người phải thi hành án đã có 1 lần vi phạm hành chính về hành vi này đã bị xử phạt hành chính rồi mà nay còn vi phạm tiếp thì mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành án.

- Hiện nay, Bộ luật Tố tụng Hình sự đang sử dụng thuật ngữ tiền án, tiền sự, các khái niệm này liên quan trực tiếp đến BLHS dùng để chỉ một người bị kết án nhưng chưa được xóa án tích và một người bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, các thuật ngữ này hiện nay chưa được quy định tại BLHS và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Điều 392 quy định những người phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội

xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân gồm: (1) Quân nhân tại ngũ, công nhân, viên chức quốc phòng; (2) Quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện; (3) Dân quân, tự vệ trong thời gian phối thuộc với quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu; (4) Công dân được trưng tập vào phục vụ trong quân đội. Trong khi đó, Điều 272 Bộ luật Tố tụng hình sự khi quy định thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự các cấp thì ngoài các đối tượng nêu trên, còn liệt kê các đối tượng khác bao gồm: “công chức quốc phòng”, “quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu”, “công dân được điều động hoặc hợp đồng vào phục vụ trong Quân đội nhân dân”; tại khoản 3 quy định lực lượng “Dân quân, tự vệ” là chưa phù hợp với Luật Dân quân tự vệ năm 2019, Luật này quy định chỉ có lực lượng “Dân quân tự vệ”.

** Một số quy định thuộc về “luật hình thức” về trình tự, thủ tục tố tụng hình sự, thi hành án hình sự vẫn còn được quy định trong Bộ trong BLHS là chưa phù hợp về kỹ thuật lập pháp, gây chồng lấn, trùng lặp với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự, cụ thể là:*

- Quy định về giao người bị kết án cải tạo không giam giữ cho cơ quan có thẩm quyền quản lý tại khoản 2 Điều 36;

- Biện pháp lao động phục vụ cộng đồng và thời gian lao động phục vụ cộng đồng tại khoản 4 Điều 36;

- Quy định về việc giao người được hưởng án treo cho cơ quan có thẩm quyền quản lý tại khoản 2 Điều 65; quy định về rút ngắn thời gian thử thách tại khoản 4 Điều 65...

- Các quy định về giảm thời hạn chấp hành hình phạt; tha tù trước thời hạn có điều kiện; hoãn chấp hành hình phạt tù; tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù. Vì đây là các quy trình, điều kiện áp dụng trong quá trình thi hành án hình sự, không liên quan đến việc xác định tội phạm và hình phạt nên không cần thiết phải quy định trong BLHS mà nên được quy định trong Luật Thi hành án hình sự.

** Nhiều điều luật của BLHS có khung hình phạt khung quá rộng, hoặc còn tình trạng gối khung, dễ dẫn đến tùy nghi trong lựa chọn mức hình phạt, gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý tội phạm, cụ thể như:*

- Nhiều tội danh có khung hình phạt “từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình”;

- Nhiều tội danh có khung hình phạt chồng lấn quá nhiều, có những khung chồng lấn đến 03 năm tù...

** Quy định về các hành vi khách quan trong cấu thành của một số tội danh trong BLHS còn giao thoa, chưa rõ ràng dẫn đến thiếu thống nhất, tùy nghi trong áp dụng, chưa tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan tiến hành tố tụng phân loại tội phạm và lựa chọn tội danh; chưa thực sự bảo đảm xử lý hình sự đúng người, đúng tội.*

Ví dụ:

- VD1: Hành vi giết người chưa được quy định cụ thể, rõ ràng, trong rất nhiều vụ án, hành vi giết người rất khó phân biệt với các hành vi làm chết người. Nhiều trường hợp bị cáo chỉ dùng hung khí đâm bừa, chém bừa nhưng trúng vào vùng trọng yếu của nạn nhân, nạn nhân không bị chết và mục đích của bị cáo cũng không

muốn nạn nhân chết, song vẫn bị xử về tội danh giết người. Như vậy, rõ ràng là chưa có sự tách biệt trong định tội danh, dẫn đến nhiều hành vi chủ yếu mang tính nóng giận, bột phát, thậm chí chưa gây hậu quả nhưng vẫn có thể bị xử lý về tội giết người, đáng nói, đây là một trong những điều luật có mức hình phạt nặng nhất trong BLHS. Việc quy định chưa rõ ràng về hành vi giết người cũng có thể dẫn đến việc tùy nghi trong lựa chọn tội danh, khi là cố ý gây thương tích dẫn đến chết người, khi thì giết người; đồng thời, cũng có thể là nguyên nhân của những tiêu cực trong hoạt động tố tụng.

- VD2: Các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt như Tội cướp giật tài sản (Điều 171), Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 172), Tội trộm cắp tài sản (Điều 173) chỉ nêu tội danh, không quy định cụ thể cấu thành tội phạm, đặc biệt không mô tả hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm nên dẫn đến nhiều trường hợp thực hiện không thống nhất, có nhiều trường hợp nhầm lẫn trong việc định tội danh.

** Một số quy định chưa logic, chưa bảo đảm tính khoa học, còn lỗi về kỹ thuật trình bày*

- Điều 2 quy định “chỉ người nào phạm một tội đã được BLHS quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự” là chưa logic vì thực tế có trường hợp người hoặc pháp nhân thương mại phạm một tội, có trường hợp phạm nhiều tội, một hay nhiều tội đều phải bị xử lý trách nhiệm hình sự.

- Điểm c và điểm d khoản 1 Điều 3 đều trình bày về nguyên tắc nghiêm trị. Việc trình bày nguyên tắc nghiêm trị thành 2 điểm riêng và kết hợp với nguyên tắc khoan hồng là không phù hợp, không logic.

- Điều 35 quy định hình phạt tiền có thể là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung, tuy nhiên chưa quy định để có sự phân hóa rõ ràng giữa hình phạt tiền với vai trò là hình phạt chính và hình phạt tiền với vai trò là hình phạt bổ sung dẫn đến trong nhiều trường hợp, hình phạt chính được áp dụng nhẹ hơn hình phạt bổ sung, trong khi đó, về mặt logic, hình phạt chính phải có mức độ nghiêm khắc hơn hình phạt bổ sung.

Ví dụ: đối với tội đánh bạc (Điều 321) thì hình phạt chính là hình phạt tiền là từ 20 triệu đồng đến 100 triệu đồng, trong khi đó, hình phạt bổ sung là hình phạt tiền là từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng, như vậy, trong nhiều trường hợp, mức hình phạt bổ sung có thể cao hơn mức hình phạt chính là bất hợp lý.

- Điều 40 quy định: “Tử hình là hình phạt đặc biệt chỉ áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong nhóm các tội...tham nhũng và một số tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác...”. Tuy nhiên, hiện nay, BLHS đã bỏ hình phạt tử hình đối với tội tham ô tài sản và tội nhận hối lộ, do vậy, hình phạt tử hình sẽ không còn áp dụng đối với tội phạm tham nhũng.

- Điều 41 (Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định) và Điều 42 (Cấm cư trú) quy định thời gian tính thời hạn cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định và thời hạn cấm cư trú bắt đầu từ ngày “chấp hành xong án phạt tù” là chưa bao quát trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, vì bản chất tha tù trước thời hạn có điều kiện là chưa chấp hành xong bản án, nhưng vì các yếu tố tích cực nên người bị kết án được

tha trước thời hạn so với quy định của bản án.

- Điều 51 quy định “người phạm tội tự thú” là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, Điều 52 lại không quy định “người phạm tội bỏ trốn” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Điều 51 quy định người phạm tội ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tuy nhiên, Điều 52 lại không quy định tình tiết tăng nặng là người phạm tội không ăn năn hối cải, quanh co chối tội, gây cản trở cho hoạt động điều tra là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, như vậy là thiếu logic.

- Quy định tại điểm a (hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại) và điểm c (hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành và chấp thuận của pháp nhân thương mại) khoản 1 Điều 76 là chưa độc lập với nhau, có sự trùng lặp trong nội hàm của hai điều kiện này, vì nếu đã có sự chỉ đạo, điều hành hay chấp thuận của pháp nhân thương mại thì chính là đã nhân danh pháp nhân thương mại, và ngược lại, một hoạt động nhân danh pháp nhân thương mại phải luôn có sự chỉ đạo, điều hành và chấp thuận của pháp nhân thương mại.

+ Nhiều vấn đề quy định trong BLHS còn có nhiều cách hiểu khác nhau, cụ thể như: Quy định về mức độ vượt quá của người thực hành tại quy định về đồng phạm (Điều 17); quy định về các yếu tố cấu thành sự kiện bất ngờ (Điều 20) bao gồm tính khách quan, tính không thể lường trước được và tính không thể khắc phục; quy định về điều kiện “nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội ra khỏi xã hội” để được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ; quy định về việc “tước một phần tài sản”; tịch thu tài sản là tài sản chung của vợ chồng hoặc tài sản đã được thế chấp tại ngân hàng để làm công cụ, phương tiện phạm tội; quy định về thời điểm áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc; quy định về “nhân danh pháp nhân thương mại”, “vì lợi ích của pháp nhân thương mại”, “có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại”...

Phần thứ tư

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI BLHS NĂM 2015

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH MỚI VÀ NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA

1. Bối cảnh, tình hình quốc tế và yêu cầu đặt ra đối với việc xây dựng và hoàn thiện Bộ luật Hình sự

Thứ nhất, thời gian tới tình hình thế giới, khu vực vẫn diễn biến phức tạp, khó dự báo; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn vẫn diễn ra gay gắt, tạo áp lực “chọn phe” ngày càng lớn đối với các nước đang phát triển; việc can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia thông qua các “tiêu chuẩn kép” sẽ ngày càng được thực hiện ráo riết và thô bạo hơn nhằm lôi kéo, kiểm tỏa, bao vây, tạo đối trọng với quốc gia khác đặt ra yêu cầu cần thiết phải hoàn thiện pháp luật hình sự để dung hòa về mặt lợi ích của quốc gia, dân tộc với những tiêu chuẩn mà quan hệ quốc tế đặt ra, thể hiện rõ lập trường, quan điểm và đường lối ngoại giao “cây tre” của Việt Nam.

Thứ hai, ngày càng xuất hiện các vấn đề hình sự mang tính toàn cầu như vấn đề khủng bố, môi trường, tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia tình hình tội xuyên quốc gia... đòi hỏi pháp luật hình sự của mỗi quốc gia bên cạnh việc là cơ sở pháp lý để phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm trong mỗi quốc gia ấy còn phải là cơ sở,

tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hợp tác để giải quyết các vấn đề chung mang tính toàn cầu.

Thứ ba, hợp tác quốc tế đã và mang lại những lợi ích to lớn, toàn diện đối với các quốc gia trên thế giới, tuy nhiên, hợp tác quốc tế cũng đặt ra nhiều vấn đề đòi hỏi các chính phủ phải nỗ lực giải quyết để tuân thủ các chuẩn mực chung của cộng đồng quốc tế, hạn chế sự khác biệt, giảm thiểu sự bất đồng, nâng cao tinh thần hỗ trợ và tin tưởng lẫn nhau, trong đó, một trong những nhiệm vụ trọng tâm đặt ra là xây dựng và hoàn thiện pháp luật hình sự để bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và khuyến nghị của các tổ chức quốc tế.

2. Bối cảnh, tình hình trong nước và những yêu cầu đặt ra đối với công tác xây dựng và hoàn thiện Bộ luật Hình sự

Thứ nhất, trước những thời cơ và vận hội mới, Đảng, Nhà nước và Nhân dân đã và đang đặt ra quyết tâm cao độ để đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình, quyết tâm đó được thể hiện qua việc đưa ra và thực hiện quyết liệt các chính sách lớn như: Cuộc “cách mạng” tổ chức bộ máy Nhà nước theo hướng tinh gọn, mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; chính sách về hội nhập quốc tế trong tình hình mới theo tinh thần của Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị; chính sách về đột phá phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số quốc gia theo tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; chính sách về phát triển kinh tế tư nhân theo tinh thần của Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị; chính sách về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới theo tinh thần của Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị; chiến lược cải cách tư pháp theo tinh thần Đại hội XII, XIII của Đảng và Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng... Những chính sách nêu trên nhận được sự đồng tình, ủng hộ của Nhân dân trong nước, thu hút sự quan tâm đặc biệt của truyền thông quốc tế và đặt ra yêu cầu phải được kịp thời nghiên cứu, thể chế hóa đầy đủ vào quy định của Bộ luật Hình sự.

Thứ hai, đòi hỏi, kỳ vọng của nhân dân và của toàn xã hội đối với nền tư pháp hình sự ngày một cao, đặt ra yêu cầu phải quyết liệt trong cải cách tư pháp, nội dung trọng tâm là xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về tư pháp hình sự theo hướng công khai, minh bạch, dễ tiếp cận, góp phần củng cố và tăng cường niềm tin của xã hội về một nền tư pháp “liêm chính” và “phụng sự”.

Thứ ba, tình hình tội phạm trong nước thời gian tới sẽ tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, tội phạm truyền thống diễn ra với các phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, đòi hỏi việc quy định về các hành vi khách quan phải cụ thể, bao quát để thuận lợi cho quá trình chứng minh của cơ quan điều tra; bên cạnh đó, tội phạm phi truyền thống xuất hiện ngày một nhiều các hành vi mới chưa được điều chỉnh, đặc biệt là trong lĩnh vực tội phạm mạng, tội phạm sử dụng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, tài sản ảo, tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia... đòi hỏi Bộ luật Hình sự phải kịp thời cập nhật, bảo đảm tính đầy đủ, tránh bỏ lọt tội phạm;

Thứ tư, Đảng ta xác định, một trong ba điểm nghẽn trong lộ trình vươn tới thịnh vượng của đất nước là thể chế, đây là “điểm nghẽn” của “điểm nghẽn”. Chính

điều này đã đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc hoàn thiện thể chế, trong đó có pháp luật hình sự để khơi thông mọi nguồn lực, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và trở thành nước XHCN phát triển, có thu nhập cao đến năm 2045.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN BỘ LUẬT HÌNH SỰ

1. Phương hướng xây dựng, hoàn thiện Bộ luật Hình sự

Việc xây dựng và hoàn thiện Bộ luật Hình sự trong giai đoạn hiện nay phải được đặt trong tổng thể chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo đảm yêu cầu bảo vệ quyền con người, quyền công dân, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đồng thời tạo lập môi trường pháp lý ổn định cho phát triển kinh tế – xã hội và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Bộ luật Hình sự cần tiếp tục được hoàn thiện theo hướng:

Thứ nhất, thể chế hóa đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng, nhất là các định hướng chiến lược lớn trong tình hình mới;

Thứ hai, tiệm cận các chuẩn mực pháp lý quốc tế tiến bộ, phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam;

Thứ ba, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, khoa học, dễ áp dụng, dễ tiếp cận và tính dự báo của hệ thống pháp luật hình sự.

Thứ tư, xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân.

2. Nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện Bộ luật Hình sự

Trên cơ sở đó, các nhiệm vụ trọng tâm tập trung vào ba vấn đề lớn sau đây:

Một là, nghiên cứu, rà soát các quan điểm chỉ đạo của Đảng về xây dựng, hoàn thiện pháp luật cũng như các quan điểm, tư tưởng về xây dựng, bảo vệ đất nước trong tình hình mới, trong đó, tập trung vào các văn bản mới được ban hành như: Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, phát hiện các vấn đề cụ thể cần phải được thể chế hóa trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Bộ luật Hình sự...;

Hai là, nghiên cứu, rà soát, đánh giá tính tương thích, mức độ đáp ứng của Bộ luật Hình sự với pháp luật quốc tế, các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và khuyến nghị của các tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trong đó, tập trung

vào một số các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế và khuyến nghị quốc tế mà Việt Nam đã và đang bị cho là chưa đáp ứng và đang bị các quốc gia, tổ chức áp dụng các biện pháp gây bất lợi đối với Việt Nam như: Khuyến nghị của Ủy ban Công ước chống tra tấn (UNCAT); khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF) và Nhóm châu Á- Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG); Công ước quốc tế về trừng trị hành vi tài trợ khủng bố năm 1999; Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC); Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị (ICCPR); Nghị định thư về phòng, chống mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em bổ sung Công ước UNTOC (TIP); Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng (UNCAC); Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng... Trên cơ sở đó, xác định các vấn đề cụ thể cần phải nội luật hóa nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác đối ngoại, đồng thời vẫn phải bảo đảm lợi ích quốc gia;

Ba là, nghiên cứu, rà soát, đánh giá tính đồng bộ, thống nhất trong quy định của Bộ luật Hình sự với quy định của hệ thống pháp luật có liên quan, đặc biệt là các văn bản pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự; các văn bản pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành như phòng, chống ma túy, phòng, chống mua bán người, phòng, chống tham nhũng...; pháp luật về dân sự, hành chính, đất đai, đầu tư; phát hiện các vấn đề còn chồng chéo, mâu thuẫn để báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật...;

Bốn là, rà soát, đánh giá kỹ lưỡng, toàn diện Bộ luật Hình sự, nhận diện đầy đủ, kịp thời mọi khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành, tập trung vào nhóm các quy định chưa thật sự rõ ràng, cụ thể, dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất; các quy định còn chồng chéo, trùng lặp và mâu thuẫn; các quy định chưa bảo đảm kỹ thuật lập pháp hoặc thiếu tính hợp lý, logic; các quy định còn thiếu để điều chỉnh các vấn đề hình sự phát sinh trong thực tiễn hoặc đáp ứng các yêu cầu của thực tiễn; các quy định còn chưa phù hợp với thực tiễn. Trên cơ sở đó, xác định các vấn đề cần phải tiếp tục hoàn thiện để xây dựng một Bộ luật Hình sự thực sự khoa học, đầy đủ, toàn diện, thống nhất, dễ áp dụng, dễ tiếp cận...

III. KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả thi hành Bộ luật Hình sự, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và tồn tại, hạn chế trong thực tiễn thi hành Bộ luật Hình sự, trong thời gian tới, cần tập trung vào một số giải pháp sau:

Một là, trên cơ sở kết quả tổng kết thực tiễn thi hành BLHS, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng, thấu đáo về những tác động đối với chính trị, kinh tế, xã hội; tham khảo kinh nghiệm, pháp luật quốc tế, trên cơ sở đó đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung toàn diện BLHS để báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét thông qua nhằm giải quyết 07 nhóm bất cập, hạn chế và khó khăn, vướng mắc được nêu trong Báo cáo này.

Hai là, kiến nghị Quốc hội đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xây dựng,

hoàn thiện các văn bản luật trong các lĩnh vực chuyên ngành, các văn bản luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự, các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định chi tiết Bộ luật Hình sự để bảo đảm đồng bộ, thống nhất, góp phần xây dựng một hệ thống pháp luật chặt chẽ, tránh tạo sơ hở về mặt pháp lý để các đối tượng có thể lợi dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Ba là, đề nghị Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và cơ quan có liên quan rà soát hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành BLHS, tiến hành pháp điển hóa, hệ thống hóa các văn bản để phục vụ công tác nghiên cứu; đồng thời, trao đổi, đề nghị với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản thay thế các văn bản đã hết hiệu lực, đặc biệt là các văn bản hướng dẫn thi hành BLHS năm 1999.

Bốn là, kiến nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ quan tâm đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu công tác thực thi Bộ luật Hình sự; đẩy mạnh nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực thi Bộ luật Hình sự, đáp ứng ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao, đổi mới công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về hình sự để các quy định của đạo luật này thực sự đi vào cuộc sống của đời sống nhân dân, góp phần hình thành ý thức cộng đồng về phòng ngừa và đấu tranh với tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật.

Trên đây là Báo cáo kết quả tổng kết thực tiễn thi hành BLHS năm 2015 và kiến nghị, giải pháp trong sửa đổi, bổ sung Bộ luật này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân 34 tỉnh, thành phố;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam.
- Lưu: VT, V03.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Thượng tướng Lê Văn Tuyền